

PHẬT LỊCH 2545

ĐÀ LA BỒ TÁT PHÁP ĐÀ LA NI KINH

Biên dịch: HUYỀN THANH

TÍN NGƯỠNG ĐA LA BỒ TÁT

Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về Nữ Thần Tịch đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ. Nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xưng tán thờ phụng Đấng Cứu Thế Mẫu (Tàràyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia – Đồng thời xuất hiện các kinh bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1. Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán (Àrya Tàrà – Bahattàrikà – Nàmâstô ttara'sataka – stotra).
2. Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán (Bhagavaty – Àrya Tàrà – Devyà Namaskàràika – Vim'sati sotram guṇa – hita – sahitam).
3. Thánh Đa La Trì Quan (Cái mào) Tán (Àrya Tàrà srag dharà – sottra).
4. Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh (Àrya – Tàrà Aṣṭa – ghora Tàràṇi – Sùtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là Đa La Nễ Vĩ (Tàrà – Devi – Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là Tàrà.

Sau này, do sự nhân cách hóa trí tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Mañju'Srì Bodhisatva) và biểu tượng cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtyàmuṣṭhàna Jñāna – Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát) – Từ đây, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Riêng nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu 'sakti.

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, Đạt Ma Đa La (Dharma Tàrà – Pháp Cứu Tôn), Thánh Đa La Bồ Tát (Àrya Tàrà Bodhisatva) và xưng là Thánh Cứu Độ Phật Mẫu (Àrya Tàrà Buddha Mâtà).

Hiện đồ Thai Tạng Giới Man Đà La (Garbha Dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện – Do Tôn này chủ về 02 đức: Đại Bi (Mahà Kàruṇa) và Hàng Phục (Abhicàruka) nên được xem là Phật Mẫu (Buddha màtr) của Liên Hoa Bộ và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1. Thanh Cảnh Quán Âm (Nīlakaṇṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahà Kàruṇika Citta Dhàraṇi)
2. A Ma Tai Quán Âm (Avatai _Nguồn hạnh phúc)

3. Hương Vương Quán Âm (Gandha Ràja)

4. Thủy Nguyệt Quán Âm (Udaka Candra)

Kinh Bất Không Quyển Sách (28) ghi là: Đa La Bồ Tát cũng gọi là Thấp Phế Đa ('sveta) tức Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng gọi là Tỳ Câu Đề Quán Thế Âm Bồ Tát (Bhṛkūṭi – Phần Nộ Mẫu).

Kinh Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát ghi là: “Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội Phổ Quang Minh Đa La, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra – Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương sót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử”.

Do ý nghĩa này mà Tà-rà được dịch là con mắt, con người hay Mục Quang (Tà-rà jvala) – Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của Hoa sen xanh (Nīlapadma) và có danh hiệu là Phật Thanh Liên Từ Bi Nhân – từ đó Tà-rà còn được dịch là Diệu Mục (Con Mắt Màu Nhiệm).

Kinh Bất Không Quyển Sách (Hạ) ghi là: “Đa La Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Tử”

Kinh Tô Ma Hô (Hạ) cũng ghi là: “Đa La là Diệu Mục Tinh”

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng Bạch Cửu Độ Phật Mẫu tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quán Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: “500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tỷ Muội (Chị Em gái) của Đức Phật A Di Đà (Amitàbha Buddha)”.

Theo nghĩa rộng thì TA () có nghĩa là Thế Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A () mà thành TÀ () tức là hạnh của Như Như.

Chữ RA () có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà 6 Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thấy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên cạnh có ký hiệu chữ A () có nghĩa là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ () tức là Thật tướng của 06 Trần.

Do đó, TÀRÀ là quán LÝ TÍNH của Như Như cho nên tất cả các Trần đều được biết Như Thật - Từ đây vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia – chính vì thế mà TÀRÀ được dịch ý là Cửu Độ hay Cực Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu “Namo Àrya Tàrà Jvala Bodhisatvaya mahà satvaya” (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

- Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tụ Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là Cổ Âm Như Lai (Duṇḍbhi Svāra Tathāgata) – Bấy giờ có cô công chúa tên là Bát Nhã Nguyệt (Prajña Candra) có tuệ căn, kính lễ Tam Bảo – sau một quá trình cúng dường các Đệ

tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: “Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận – tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh” – Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán 06 căn cho đến lúc được tâm khai, chứng nhập vô sinh pháp nhẫn thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình – Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tà-rà.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi 06 nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành Bạch Độ Mẫu (Sgrol – Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành Lục Độ Mẫu (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh – Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xưng là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:

1. Lục Độ Mẫu.
2. Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
3. Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
4. Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
5. Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
6. Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
7. Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
8. Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
9. Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
10. Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
11. Cứu Đạo Nạn (Nạn Trộm Cướp) Độ Mẫu.
12. Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
13. Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.
14. Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
15. Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
16. Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
17. Phục Ma Độ Mẫu.
18. Dược Vương Độ Mẫu.
19. Trường Thọ Độ Mẫu.
20. Bảo Nguyên Độ Mẫu.
21. Như Ý Độ Mẫu.

Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

1. Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Sgrol – Ma – Myurmadpaḥ – Mo, tên phạn là: Tàre Ture vīre).
2. Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu (Ston – Kaḥi zlabakun – Tugsal – Brgya, tên phạn là: ‘sata – ‘sarac – candra).
3. Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser – Sdechū, tên phạn là: Kanaka - Nilâbja).
4. Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De – bshin – g’segs – paḥi – gtsug – tor, tên phạn là: Tathâgatôsṇiṣa).
5. Đát La Hồng Tự Mẫu (Tàrà Hùṃ yi – ge, tên phạn là: Tuttàra – Hùṃ - Kàra).
6. Phạn Thích Hỏa Thiên Mẫu (Brgya – byin melha – Tshans – pa, tên phạn là: ‘sagrânala - Brahma).
7. Đặc La Đề Phát Mẫu (Trad – Cis – Bya – Dan paḥ, tên phạn là: Traḍiti paḥ - Kàra).
8. Đô Lị Đại Khẩn Mẫu (Tures – ḥjigs – pachen – mo, tên phạn là: Ture Mahà - Ghore).
9. Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Dkon – Mchog – Gsum ṃtshon – phyag – rgya, tên phạn là: Tri – Ratna - Mudrânka).
10. Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab – tu – dgaḥ – babrdsid – ba, tên phạn là: pramuditâṭopa).
11. Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa – Gaḥi skyon – pa, tên phạn là: Samanta – bhū – pàla).
12. Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla – baḥibum – bus – dpral – rgyah, tên phạn là: ‘sikhaṇḍa – khaṇḍêndu).
13. Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Bskal – baḥi – thamahī – me – ltar, tên phạn là: Kalpânta - hutabhug).
14. Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (Sa – ba, tên phạn là: Kara - Talâghàta).
15. An Ấn Nhu Thiện Mẫu (Bde – Ma dgl – Mashī – Ma, tên phạn là: ‘sive ‘subhe’ sànte).
16. Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun – nas – bskor – rab – dgaḥ – ba, tên phạn là: pramuditâbandha).
17. Đô Lị Ba Đế Mẫu (Turi – Sha – pa, tên phạn là: Ture padâghàta).
18. Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha – yi – mtsho, tên phạn là: Sura – sarâkàra).
19. Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha – yi – tshogs – rnam – rgyas – ma, tên phạn là: Sura – gaṇâdhyakṣa).
20. Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima – zla – ba – rgyas – ma, tên phạn là: Candrârka – saṃpūrṇa).
21. Cự Tam Chân Thật Mẫu (De – nid gsum – Rnam bhod – pa, tên phạn là: Tri – Tattva – vinyâsa).

Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1. Pravira – Tàrà (Thắng Dũng Đa La).
2. Candra – Kànti – Tàrà (Thu Nguyệt Đa La).
3. Kanaka – Varṇa – Tàrà (Kim Sắc Đa La).
4. Uṣṇiṣa – Vijaya – Tàrà (Tối Thắng Đỉnh Đa La).
5. Hùṃ – Sarva Nàdinì – Tàrà (Hong Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).
6. Trailokya – vijaya – Tàrà (Thắng Tam Thế Đa La).
7. Vàdi – Pramardaka – Tàrà (Tội Hoại Tranh Luận Đa La).
8. Māra – Sudanà – vasita – uttama – da – Tàrà (Tội Hoại Ma Chương Cặp Thí Thắng Thượng Lực Đa La).
9. Varada – Tàrà (Dữ Nguyên Đa La).
10. ‘soka – vina – udana – Tàrà (Diệt Tận Phiền Não Đa La).
11. Jagad – va’si vipan – Nirbarhaṇa – Tàrà (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).
12. Kalyāna – da – Tàrà (Thí Cát Khánh Đa La).
13. Paripācaka – Tàrà (Thực Quả Đa La).
14. BhṛKutì – Tàrà (Phần Nộ Đa La).
15. Mahà ‘sànti – Tàrà (Đại Tịch Tĩnh Đa La).
16. Rāga – Niṣūdana – Tàrà (Tội Phá Tham Ái Đa La).
17. Sukha – Sàdhans – Tàrà (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).
18. Vijaya – Tàrà (Tối Thắng Đa La).
19. Duḥkha – Dahana – Tàrà (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).
20. Siddhi – Saṃbhava – Tàrà (Thành Tựu Sinh Đa La).
21. Paripūrṇa – Tàrà (Thắng Mãn Đa La).

Ngoài 21 Tôn này , các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu Khadira Vaṇi Tàrà (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tàrà của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyên Đa La

Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tự Tại Bồ Tát nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha Siddhi Tathāgata) – Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển 05 thức thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát – Biểu tượng của trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau – Đây cũng chính là năng lực gia trì (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai

nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàrà được tôn xưng bằng danh hiệu Pháp Cứu Tôn (Dharma Tàrà).

Do tín ngưỡng Tàrà phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua Khí Tông Lộng Tán (Srong – Tsan – Gampo) là: Văn Thành công chúa (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) Ba Li Khổ Cơ (Bhrkūṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.

Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tàrà phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mừng tượng Tàrà dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: “Án – Đa Lị , Đa Lị, đốt đa lị, đốt đốt đa lị, đốt lị ta bà ha” được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tàrà qua **Đa Ri Tâm Kinh** do Sa Môn Trí Thông truyền thụ và Pháp “**Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**” do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang NẶC NA HỒ ĐỒ Khắc ĐỒ truyền thụ.

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tàrà tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tàrà. Trong đó, chúng tôi dùng một số tư liệu từ các quyển “In Praise Of Tara – Songs to the Saviouress” của Ông Martinwillson, “The cult of Tàrà – Magic and Ritual in Tibet” của Stephan Beyer, “Thiền định trên Tantras bậc thấp” của Dendun Drub để biên soạn thêm cho tập sách này.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi “Ban Vui, Cứu Khổ” của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong kinh “Quán Tự Tại Bồ Tát Thụ Ký” là:

Đấng Đại Bi Đa La
Từ Bi của tất cả
Trời, Người với Dạ Xoa
Đều là con của Ngài
Nên hiệu Thế Gian Mẫu
Và cho xuất Thế Gian.
Quán Âm, Đại Thế Chí
Kim Cương với Thiện Tài
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Từ Thị với Hương Tượng
Nguyệt Quang, vô tận ý
Vô cấu, Hư Không Tạng
Diệu Nhân với Đại Bi
Duy Ma, Đẳng Bồ Tát
Là con của Đa La
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con.

Đều xưng là MẸ TA
Nuôi dưỡng các Hữu Tình
Ôm nâng như Đại Địa

TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Đại Nhật Kinh, quyển 1, phẩm Cụ Duyên ghi là: “Hình tượng của Tôn này là trạng người nữ trung niên da màu xanh và màu trắng pha tạp – hai tay chấp lại cầm hoa sen xanh, thân mặc áo trắng”

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì vẽ hơi khác là: “Toàn thân màu xanh trắng, mặc áo Yết Ma, đầu đội mào tức bên trên có vị hóa Phật – hai tay chấp lại không cầm hoa sen, ngồi Bán Già trên Tòa Sen, vị trí ở bên phải của Quán Tự Tại Bồ Tát, bên trái Ngài có một vị Sứ Giả”.

Sớ thứ 5 giải thích ý nghĩa của Tôn Tượng trên là: “Đa La Bồ Tát là Tam Muội của Quán Tự Tại nên làm tượng người nữ. Đa La có nghĩa là con mắt. Hoa sen xanh có nghĩa là trong sạch không dơ bẩn. Dùng Phổ Nhân như vậy nhiếp thụ quần sinh, đã chẳng trước cũng chẳng sau nên làm dạng người nữ trung niên chẳng quá già, chẳng quá trẻ. Màu xanh là màu giáng phục, màu trắng là màu Đại Bi do diệu (sự mầu nhiệm) ở trong hai dụng ấy nên tạo hai màu hòa hợp, vì nghĩa ấy nên chẳng xanh chẳng trắng. Tượng ấy chấp tay, cầm hoa sen xanh trong lòng bàn tay, hướng tay và mặt về Đức Quán Âm như hình mỉm cười, toàn thân có hào quang tròn như màu vàng ròng thanh tịnh, mặc áo màu trắng, đầu có búi tóc như dạng tóc của Chư Thiên, đồng với mào tóc của Đại Nhật Như Lai”.

Quỹ ghi là: “Liên quán hoa sen màu nhiệm (Diệu Liên) làm Bản Tôn, thân ấy có ánh sáng vàng lục tràn đầy thanh tịnh, với báu Diệu Ma Ni làm Trân Lạc, đầu đội mào tóc có Vô Lượng Thọ Phật, bên phải hiện tướng Dữ Nguyễn làm thù thắng, bên trái dùng tay cầm hoa sen xanh”.

Biệt Tôn Tạp Ký ghi là: “Trên Đàn có chữ (HRĪH) biến thành hoa sen báu. Trên hoa có chữ (TAM) biến thành hoa sen xanh rồi chuyển thành thân Đa La Bồ Tát có màu xanh trắng (hoặc màu thịt) mặc áo màu lam với mọi thứ trang nghiêm, trên mào có Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai (Avalokite'svara Ràja Tathàgata), tay trái cầm hoa sen xanh để bên trái tim, tay phải kết Ấn Thứ Vô Úy (Abhayamàdàda Mudra) hoặc chấp hai tay lại cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa báu phóng ra ánh hào quang màu trắng, hay làm mãn các Nguyễn”.

Theo sự truyền thụ của Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Pháp Đồ (Phật sống NẶC NA của Tây Tạng) thì Bản Tôn có thân màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi báu già trên hoa sen, có vành Nhật Nguyệt. Hoa sen đó có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại – Hai tay cầm một cành hoa Ô Ba Lạp (utpala – Hoa sen xanh da trời), đầu đội mào Ngũ Phật, thân trên khoác áo bay phất phới như lá phướng, thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Cổ đeo 03 chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai đến trái tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tai đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyên, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ với các vật trang sức dùng để trang nghiêm.

Trên đây là Tôn tượng Lục Độ Mẫu, một trong 21 Độ Mẫu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát – Hình tượng của 20 Độ Mẫu còn lại đều có tư thế ngồi, mào, áo, vật trang sức giống nhau và chỉ khác nhau về nhan sắc (dung mạo và màu sắc) với vật cầm tay.

Theo kinh nghiệm tu tập của Bhatta Charya thì “Trong ánh hào quang sáng chói lạ lùng hiện ra một vị Thánh Nữ màu lục biếc, đẹp tuyệt hảo trong mọi đường nét tay chân đến nỗi không thể dùng lời nói diễn tả được – Thánh Nữ ngồi theo thế Du Hý Tam Muội trên một hoa sen hai tầng, tay trái cầm vài cành lá, tay phải kết ấn Vô Úy với một viên ngọc sáng ngời”.

Riêng 21 Độ Mẫu thì Kinh Tạng Hoa Văn không ghi nhận bằng lời mà chỉ lưu truyền hình ảnh Tôn tượng trong kinh “Lễ tán 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu”.

1. Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Tàre Ture vire): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.
2. Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu (‘sata – ‘sarac –candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.
3. Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Kanaka - Nìlâbja): có 10 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.
4. Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (Tathâgatôṣṇiṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.
5. Đát La Hồng Tự Mẫu (Tuttâra – Hùṃ - Kàra): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.
6. Phạm Thích Hỏa Thiên Mẫu (‘Sakrânala - Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.
7. Đạc La Đề Phát Mẫu (Traḍiti phat - Kàra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.
8. Đô Lị Đại Khẩn Mẫu (Ture Mahà - Ghore): thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.
9. Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Tri – Ratna - Mudrânka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.
10. Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Pramuditâtopa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.
11. Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Samanta–bhù–pâla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.
12. Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (‘Sikhaṇḍa – khaṇḍêṇdu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.
13. Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Kalpânta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.
14. Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (Kara-Talâghâta): có 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.
15. An Ấn Nhu Thiện Mẫu (‘Sive ‘subhe’sânte): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.

16. Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Pramuditàbandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.
17. Đô Lị Ba Đế Mẫu (Ture padâghàta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.
18. Tát La Thiên Hải Mẫu (Sura-sarâkàra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.
19. Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Sura-gaṇâdhyakṣa): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.
20. Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Candrârkâ – sampùrṇa) có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.
21. Cụ Tam Chân Thật Mẫu (Tri-Tattva-vinyâsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.

Tóm lại, hình tượng Đa La Tôn thường được sùng bái, thờ phượng, quán tưởng là thân nữ màu xanh lục, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyệt Ấn, ngồi theo thế Du Hỷ trên tòa sen.

ĐA LA BỒ TÁT CHÂN NGÔN PHÁP

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Bồ Tát có mật hiệu là Bi Sinh (Kàruṇa Udbhava – Nghĩa là do tâm Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có một mật hiệu là Hạnh Nguyên Kim Cương (Càrya Praṇidhàna Vajra).

Tam Muội gia hình của Tôn này là “Hoa sen xanh hé nở” biểu thị cho nghĩa “Hóa độ chúng sinh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được bản tính trong sạch không dơ bẩn”.

Chủng tử của Ngài là (TA) hay (Tam) hoặc (Tàm) minh họa cho nghĩa “Như như bất khả đắc”.

Ấn căn bản của Ngài là Thanh Liên Căn Bản Ấn – Đem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội phộc) dựng 02 ngón trở dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trở – Đây cũng là Ấn căn bản của Thanh Cảnh Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tâm chú của Đa La Tôn được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

1. Bản thường tụng của Tùy La Tăng ĐẠT MA MỘC XA là:
Đá diệt tha: Ấn – Đa lợi, đa lợi – Đốt đa lợi, đốt – Cấp bà ha.
2. Bản của Nam Thiên Trúc Tăng A ĐỊA QUẬT ĐA là:
Đá diệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt – Cấp bà ha.
3. Bản do các Đại Đức cổ xưa kết tập là:
Đá diệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, sa bà ha.
4. Đa Lợi tâm kinh do Sa Môn Thích Trí Thông dịch ghi là:
Đá diệt tha: Ấn – Đa lợi, đa lợi, đô đa lợi, đô đô đa lợi, đốt lợi, sa bà ha.
*) Tadyathà: Oṃ – Tare Tare Tutare Tututare Ture – Svàhà
Ấn căn bản của câu Chú này lại là Ngoại Phộc Thanh Liên Hoa Căn Bản Ấn: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, sao cho 10 đầu ngón tay bám vào lưng 02 bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại phộc) Dựng đứng 02 ngón trở sao cho đầu ngón dính nhau như hình cánh sen – Dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trở.
5. Bản thường tụng của Diêm Tân Quốc Tăng ĐẠT MA THƯƠNG ĐÀ là:
Ấn - Đá diệt tha: Đa lợi, đa lợi, đô đốt lợi, đốt lợi, đốt lợi, cấp bà ha.
6. Kim Cương Đỉnh Kinh Đa La Bồ Tát Niệm Tụng Pháp ghi:
Đát nễ dã tha: Ấn – Đa lê, đốt đa lê, đốt lê – Tất phộc ha.
7. Thánh Cứu Độ Phật Mẫu 21 Lễ Tán Kinh ghi là:
Oṛi – Tare tutare ture – Svàhà.
8. Tây Khang Nặc Na Hồ Đồ Khắc Đồ truyền thụ Lục Độ Mẫu chú là:
Ấn – Đạt liệt, đôi đạt liệt, đô liệt, toa hàm.
*)₁OỒM – Dareh, Dudareh, Dùreh, Sõha.
*) Oṃ – Tare Tuttare Ture – Svàhà.
9. Đại Nhật Kinh, quyển 02, phẩm phổ thông chân ngôn tạng ghi là:

Na ma Tam măn da hột đà năm – Ca rô noa nạp bà phệ, đá lệ, đá lý nễ, sá ha.

*) Namaḥ Samantabuddhànàṃ – Kàruṇa Udbhave – Tàre Tàriṇi Svàhà

Sớ thứ 07 giải thích câu chú trên là:

→ Namaḥ Samantabuddhànàṃ nghĩa là Quy mệnh khắp tất cả các Đấng giác ngộ.

→ Kàruṇa: là Bi

→ Udbhave: là Sinh

Như thế Kàruṇa Udbhave nghĩa là theo Bi mà Sinh, tức là trong Quán Tự Tại mà sinh ra.

→ Tàre: là con mắt, cũng có nghĩa là Độ – Nay Chân Ngôn lấy chữ TA () làm thể – TA nghĩa là “**pháp nghĩa Như**” vì tất cả các Pháp vốn chẳng sinh ra nên Nhân của Pháp cũng chẳng thể đắc, bởi vậy cho nên biết “**không có tướng khác**” – vì không có tướng khác nên Như cũng chẳng thể đắc, tức là nơi Như được thật tướng của các pháp – Bên cạnh nó có 01 nét Tam Muội nên thành TÀ () tức là Vạn Hạnh đều Như.

RA () là nghĩa 06 Trần. Vì các pháp chẳng phải Như, chẳng phải Khác, nên 06 Trần đều như THẬT TƯỚNG, tức bản tính của nó không có trần cấu, gọi là “Con mắt không bụi thanh tịnh, thấy biết như thật” – Lại nữa, 06 căn 06 trần gọi là biển sinh tử, tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. – Nay thấy 06 Trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật nhãn nên gọi là “Được độ”.

→ Nói lập lại TÀRIṆI là cực độ, tự độ được rồi lại hay phổ độ chúng sinh, tự được Phổ Nhãn không bụi, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh được phổ nhãn không bụi – Theo như Đại Bản thì có đến 500 Đa La Tôn đều từ mắt của Quán Tự Tại mà sinh ra – Mật Ngữ Du Già lấy chữ vị đó làm Tam Muội của A Di Đà.

10. Sớ thứ 10, phẩm Mật Ấn ghi câu Chú là:

Na ma Tam măn đa bệ đà năm – Đá lệ, đá lý nễ, carô noa, ốt nạp bà phệ, sá ha.

*) Namaḥ samanta buddhànàṃ – Tàra Tàriṇi Karuṇa Udbhave – Svàhà.

Rồi giải thích là:

- Tàre: là người (tự độ).

- Tàriṇi: là độ như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.

- Karuṇa: là Bi.

- Udbhave: là Sinh.

Do Bồ Tát này Từ Bi mà sinh, cũng độ chúng sinh đến chỗ Bi vậy.

11. Bất Không quyển sách Thần Biến kinh, quyển 19, phẩm 37 Đa La Bồ Tát Hộ Trì có ghi là:

a) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni chân ngôn:

“Án – A mô già bát đầu nhĩ nễ, đã lệ – Sa phộc ha”

- Oṃ_ amogha padmini tære_ svàhà
 b) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni chân ngôn:
 “Án – Ma ni, đã lê, hàm”
 Oṃ – Maṇi Tære – Hùṃ

12. Bạch Cửu Độ Phật Mẫu Tán ghi là:

Án – Đáp liệt, đô đáp liệt, đô liệt ma ma, A du lị bồ nột diệp, ni nạp bồ chân, cô lỗ diệp, sa ha.

Oṃ – Tære Tuttære Ture – Mama Àyuh puṇye Jñàna puṣṭim Kuru – Svàhà.

13. Bản phổ thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ

Tuyên dương thần chú phá ngu môn.

Nay con trì niệm một triệu biến

Trí tuệ nguyện bằng Quán Tự Tại.

“Úm – Tara, Tara, Tam Tara nhân tha rị – Hê, vĩ thuật rị đa, vĩ thuật đà gia.

Úm – Tara, Tara, Thất rị duê – Ta phạ ha”.

*) **Oṃ** (Nhiếp Triệu) **Tàrà** (tự cứu độ) **Tàrà** (tha cứu độ) **saṃdhàra indri** (giữ gìn năng sinh, liên kết với quyền năng tự nhiên).

He (Mừng thay) **vi’srita** (vang lại, dôi lại, đáp ứng lại) **vi’suddhàya** (các sự thanh tịnh).

Oṃ (Nhiếp Triệu) **Tàrà** (Tự độ) **Tàrà** (tha độ) **‘sriye Svàhà** (quyết định thành tựu mọi sự tốt lành).

- Truyền thống Ấn Độ thường lưu hành câu Chú kèm với nghĩa căn bản là:

“Oṃ – Tære Tuttære Ture - Svàhà”

- .) Oṃ: Kính kễ
- .) Tære: dững mãnh mau chóng
- .) Tuttære: trừ khử sự sợ hãi
- .) Ture: hay truyền các thắng nghĩa
- .) Svàhà: con tác kính lễ

- Truyền thống Tây Tạng thường lưu hành 02 câu chú chính của Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu là:

a. Lục Độ Mẫu chú:

- Oṃ – Tære Tuttære Ture – Svàhà.
- .) Oṃ: Quy mệnh kính lễ mẹ Tàrà.
- .) Tære: sự tự do thoát khỏi luân hồi
- .) Tuttære: sự tự do thoát khỏi 08 nạn
- .) Ture: sự tự do thoát khỏi bệnh tật
- .) Svàhà: thành tựu tốt lành.

b. Bạch Độ Mẫu chú:

Oṃ – Tære tuttære ture – mama Àyuh puṇye Jñàna puṣṭim Kuru – Svàhà.

- .) Om – Tàre tuttàre ture
- .) Mama: Tôi
- .) Àyuh: thọ mệnh
- .) puṇye: công đức
- .) Jñàna: trí tuệ
- .) puṣṭim Kuru: hãy làm cho tăng trưởng
- .) Svàhà: thành tựu tốt lành

Ngoài ra, tùy theo từng Bộ tu tập, các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy các câu chú khác nhau là:

1. Như Lai Bộ: Đa La Mẫu:

Namo Ratna Trayàya.

Namaḥ Àrya jñàna – sàgaràya vairocana – vyùha – Ràjàya Tathàgatàya Arhate Samyak Saṃbuddhàya.

Namaḥ Àrya Avalokite ‘svaràya Bodhisattvàya Mahà Sattvàya mahà Kàruṇikàya.

Tadyathà: Om – Tàre tuttàre Ture – Svàhà.

2. Liên Hoa Bộ: Đa La Mẫu:

Namo Ratna Trayàya.

Namaḥ Àrya jñàna–sàgaràya–Amitàbha–Deva–vyùha–Ràjàya Tathàgatàya Arhate Samyak Saṃbuddhàya.

Namaḥ Àrya Avalokite ‘svaràya Bodhisattvàya Mahà Sattvàya mahà Kàruṇikàya.

Tadyathà: Om – Tuttàre Ture – Svàhà.

3. Kim Cương Bộ: Đa La Mẫu:

Namo Ratna Trayàya.

Namaḥ Àrya jñàna – sàgaràya Akṣobhya – vyùha – Ràjàya Tathàgatàya Arhate Samyak Saṃbuddhàya.

Namaḥ Àrya Avalokite ‘svaràya Bodhisattvàya Mahà Sattvàya mahà Kàruṇikàya.

Tadyathà: Om – Tàre ture tuttàre – Svàhà.

4. Bảo Bộ: Đa La Mẫu:

Namo Ratna Trayàya.

Namaḥ Àrya jñàna – sàgaràya Ratnasambhava – vyùha – Ràjàya Tathàgatàya Arhate Samyak Saṃbuddhàya.

Namaḥ Àrya Avalokite ‘svaràya Bodhisattvàya Mahà Sattvàya mahà Kàruṇikàya.

Tadyathà: Om – Tàre Tàre - Tuttàre – Ture – Svàhà.

5. Nghiệp Dụng Bộ: Đa La Mẫu:

Namo Ratna Trayàya.

Namaḥ Ārya jñāna-sāgarāya Amoghasiddhi-vyūha-Rājāya Tathāgatāya Arhate Samyak Sambuddhāya.

Namaḥ Ārya Avalokite'svarāya Bodhisattvāya Mahā Sattvāya mahā Kāruṇikāya.

Tadyathā: Oṃ – Ture tuttāre – Svāhā.

Để giúp cho đệ tử mau chóng diệt trừ mọi tội nghiệp ác đã gây ra, các bậc Đạo sư Mật Giáo Tây Tạng đã truyền dạy một trong ba bài chú sau:

1. Oṃ – Namaḥ Ārya Avalokite'svarāya Bodhisattvāya – mahā Sattvāya – mahā Kāruṇikāya.!

Tadyathā: Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva Duṣṭāṃ para Duṣṭāṃ mama Kṛte – Jambhaya, Stambhaya, mohaya, Bandhaya Hūṃ Hūṃ Hūṃ phat phat phat – Svāhā.

Namaḥ Ārya Avalokabhayā Narā Bodhisattvā Mahā Sattvāni Adhiṣṭhāna 'suddhe vi'suddhe 'sodhaya vi'sodhaya Hūṃ phat Svāhā.

2. Namo Ratna Trayāya!

Namaḥ Ārya Avalokite 'svarāya Bodhisattvāya mahā sattvāya mahā Kāruṇikāya.!

Tadyathā: Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Sarva Duṣṭāṃ paraduṣṭāṃ mamakṛte – Jambhaya, Stambhaya, mohaya, Bandhaya Hūṃ Hūṃ Hūṃ phat phat phat! Sarva duṣṭa Stambhani – Tāre Svāhā.

3. Oṃ – Tāraṇi – Tāraṇi – mahā tāraṇi – Svāhā

Do tín ngưỡng Tàrà phát triển rất mạnh mẽ và sâu rộng trên đất nước Tây Tạng, nên các bậc Đại sư đã truyền dạy một số định thức về Thần chú để cho các Giáo đồ tiện dùng, Nay chúng tôi xin ghi lại phần định thức do Đức Dalai Lama thứ nhất truyền dạy và do Stephan Beyer biên soạn trong quyển “The cult of Tàrà” từ trang 208 đến trang 210.

1. Định thức thứ nhất:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva 'sàṅṭim Kuru – Svāhā

- Trừ Quỷ Thần: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva grahān 'sàṅṭim Kuru - Svāhā .**
- Trừ chứng nạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva Vighnān 'sàṅṭim Kuru – Svāhā.**
- Trừ bệnh tật truyền nhiễm : **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva Vyādhin 'sàṅṭim Kuru – Svāhā.**
- Trừ nhiệt bệnh: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva Jvarān 'sàṅṭim Kuru – Svāhā.**

- Trừ bệnh hoạn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Rogàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**
- Trừ phiền não: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Upadravàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**
- Trừ sự chết yếu phi thời: **Om– Tàre Tuttàre Ture – Sarva Akàla Mṛtyùn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**
- Trừ giấc mơ xấu: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Duḥsvapnàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**
- Trừ sự Bất Tường: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Durni mittàni ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**
- Trừ sự lầm lẫn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Città Kulàni ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

2. Định thức thứ hai:

Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Rakṣam Kuru – Svàhà

- Trừ oan gia và kẻ thù: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva’satrùbhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**
- Trừ chất độc, các loại độc: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Viṣebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**
- Trừ Chú Trớ Yếm Đảo: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Kṛtyà – Kàkhordebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**
- Trừ binh trận: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Yudhebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**
- Trừ sự phiền não tai nạn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Bhaya Upadravebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**
- Trừ hành động xấu ác: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Duṣkṛtebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

3. Định thức thứ ba:

Om – Tàre Tuttàre Ture Svàhà.

- **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva bhaya vimocana – Ràja, caura, Agni, Viṣa, Udaka bhayàni pra’samaya – Svàhà.**
(Om Tàre Tuttàre Ture – Vượt thoát mọi sự sợ hãi, chặn đứng, tiêu diệt sự sợ hãi về: vua chúa, trộm cướp, lửa, thuốc độc, nước - Svàhà)
- **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva bandhana – Taḍana – Ràja, Taskara, Agni, Udaka, Viṣa ‘sastràni parimocaka – Svàhà.**
(Om Tàre Tuttàre Ture – Vượt thoát mọi sự trói buộc, sự đánh đập, vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc, dao gậy - Svàhà)

- **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva pàpam Àvaraṇa vi’suddhe – Svàhà.**
(Om Tàre Tuttàre Ture – Tinh lọc hoàn toàn mọi tội lỗi và chướng ngại – Svàhà)
- Om_ Tàre Tuttàre Ture_ mama dhana sarva cora bandha svàhà**
(Om_ Tàre Tuttàre Ture_ Cột trời tất cả giặc cướp của cải của tôi _ svàhà)
- Om_ Tàre Tuttàre Ture_ Asmàn apakàra sarva cora bandha svàhà**
(Om_ Tàre Tuttàre Ture _Cột trời tất cả trộm cướp, kẻ gây ra thiệt hại cho chúng tôi _ Svàhà)
- **Om – Tàre Tuttàre Ture Dhanam me Dehi – Svàhà.**
(Om Tàre Tuttàre Ture – Hãy ban cho tôi sự giàu có - Svàhà)

4. Định thức thứ tư:

Om – Tàre Tuttàre Ture Puṣṭim Kuru – Svàhà.

- Tăng trưởng Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Mama Àyuh puṇye jñàna Puṣṭim Kuru – Svàhà.**
- Tăng trưởng năng lực Công Đức: **Om – Tàre Tuttàre Ture – puṇya Puṣṭim Kuru – Svàhà.**
- Tăng trưởng Trí Tuệ: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Prajña Puṣṭim Kuru – Svàhà.**

Tóm lại: Tuy Thần chú căn bản của các Đa La Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đây chỉ là pháp lưu truyền của từng Giòng Phái mà thôi – Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết **thành thật với chính mình** và người khác – Ngoài ra còn phải giữ gìn kỹ lưỡng Tam quy, Ngũ giới, tám Biệt Giới Giải Thoát đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý **tự ti mặc cảm và tự cao ngã mạn**, phát huy tâm ý **bình đẳng như thật** – Có như thế Hành Giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bản Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: “Nếu tu trì Chân Ngôn này thì hãy cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các ma chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ,... và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ – phạm có sự mong cầu thì không có gì không thành tựu – Sau khi mệnh chung sẽ vãng sanh về Thế giới Cực Lạc.”

12/01/2002

Bhagavaty – Àrya – Tàrà – Devyà NamaskàrâiKa Vim’sati
Stotram guṇa –hita-sahitan

(Lễ tán 21 Thế Tôn Thánh Tàrà Thiên và công đức lợi ích)

Sưu tập Phạm văn: Martin Willson.

- OM – Namas TÀRE Ture vîre
TUTTÀRE Bhaya – Nà'sane/
TURE sarvârtha – Dà Tàre
SVÀHÀ – Kàre namo stute.//
- Namas tàre ture vîre
Kṣaṇair – dyuti – nibhêkṣane/
Trailokya – Nàtha – Vaktrâbja
Vikasat – Ke'sarôdbhave //1//
- Namaḥ 'sata 'sarac – candra
Saṃpūrṇa – paṭalânane./
Tàrà – Sahasra – nikara
Prahasat – kiraṇôjjvale //2//
- Namaḥ Kanaka – Nilâbja –
paṇi – padma – vibhùṣite/
Dàna – Vîrya – tapaḥ - 'sànti –
Titikṣà – dhyàna – gocare //3//
- Namas tathàgatôṣṇiṣa –
Vijayânanta – Càriṇi/
A'seṣa – pàramità – pràpta –
Jina – putra – Niṣevite//4//
- Namas Tuttàra – hùṃ – Kàra –
pùritâ'sà – dig – antare/
sapta – loka – kramâkrànti
A'seṣâkarṣaṇa – Kṣame//5//
- Namas 'sagrânala – brahma –
Marud – Vi'sê'svarârcite/
Bhùta – vetàla – gandharva –
Gaṇa – yakṣa – puras – Kṛte //6//
- Namas Traḍiti phaṭ – Kàra
Para – yantra – pramardani /
Pratyâlìḍha – pada – nyàsa
'sikhi – jvâlâkulêkṣaṇe //7//
- Namas ture mahà – ghore
Màra – vîra – vinà'sani/
BhṛKuṭi – Kṛta – vaktrâbja.
Sarva - 'satrù – Niṣùdani //8//
- Namas tri – ratna – mudrâñka

- Hṛdyâṅguli – vibhùṣite/
 Bhùṣitâ'seṣa – dik – cakra –
 Nikara – sva – Karâkule //9//
- Namaḥ pramuditâtopa –
 Mukuṭâ – Kṣipta – màlini/
 Hasat – prahasat – tuttâre.
 Mâra – loka – va'samKari //10//
 - Namaḥ samanta – bhù – pàla –
 Paṭalâkarṣaṇa – Kṣame/
 Calad – bhṛKuṭi – Hùṃ – Kàra –
 Sarvâpada – vimocani //11//
 - Namaḥ 'sikhaṇḍa – Khaṇḍêndu –
 Mukuṭâ bharaṇôjjvale/
 Amitâbha – jaṭâ – bhàra –
 Bhâsure Kiraṇa – dhruve //12//
 - Namaḥ Kalpânta – hutabhug –
 Jvalâ – màlântara – sthite/
 Àlīḍha – muditâbandha –
 Ripu – cakra – vinâ'sani //13//
 - Namaḥ Kara – talâghâta –
 Caraṇâhata – bhù – tale/
 BhṛKuṭi – Kṛta – Hùṃ – Kàra –
 Sapta – pàtâla – bhedini //14//
 - Namaḥ 'sive 'subhe 'sànte
 'sânta – nirvâṇa – gocare/
 svâhâ – praṇava – saṃyukte
 Mahâ – pàtaka – nâ'sani //15//
 - Namaḥ pramuditâbandha –
 Ripu – gàtra - prabhedini/
 Da'sâKṣara – pada – nyàse
 Vidyâ – Hùṃ – Kàra – òpīte //16//
 - Namas ture padâghâta –
 Hùṃ – kârâkâra – bìjite/
 Meru – mandara – kailâsa –
 Bhuvana – traya – càlini //17//
 - Namaḥ sura – sarâkâra –
 Hariṇâṅka – kara – Sthite/
 Târa – dvir – ukta – phaṭ – Kàra
 A'seṣa – viṣa – nâ'sani //18//
 - Namaḥ Sura – gaṇâdhyaKṣa –
 Sura – Kiṃnara – Sevite/

- Àbandha –muditâbhoga –
 Kali –duḥsvapna – nà'ssani //19//
- Namas candrârKa – Sampùrṇa –
 Nayana – dyuti – bhàsure/
 Hara – dvir – ukta – tuttâre
 Viṣama – jvara – nà'sani //20//
 - Namas tri – tattva – vinyâsa –
 'siva - 'sakti – samanvite/
 graha – vetâla – Yakṣâugha –
 Nà'sani pravare ture //21//
 - Mantra – mùlam idaṃ stotraṃ
 NamaskârâiKa – Viṃ'sakam
 Yaḥ paṭhet prayato dhimân
 Devyâ bhakti – samanvitaḥ //22//
 - Sâyamaṃ và prâtar utthâya
 Smaret Sarvâbhaya pradamaṃ/
 Sarva – pàpa – pra'samanamaṃ
 Sarva – durgati – nà'sanam //23//
 - Abhiṣiktobhavet tûrṇamaṃ
 Saptabhir jina – Kotibhiḥ/
 Asmin mahattvam àsâdya
 So'nte bauddha – padaṃ vrajet //24//
 - Viṣamaṃ tasya mahâ ghauramaṃ
 Sthâvaramaṃ vâtha jaṅgamamaṃ/
 Smaraṇât pralayaṃ yâti
 Khâditaṃ pîtam eva và //25//
 - Graha – jvara – viṣârtànâmaṃ
 Param arti – vinâ'sanam/
 Anyeṣâmaṃ câiva sattvânâmaṃ
 Dvis – tri – saptâbhivartinamaṃ //26//
 - Putra – Kâmo labhet putramaṃ
 Dhana – Kâmo labhed dhanamaṃ/
 Sarva – Kârmân avâpnoti
 Na vighnaiḥ pratihanyate //27//

12/01/2002

MẬT TẶNG BỘ 3 (Tr 478 – Tr 479)

KINH LỄ TÁN 21 LOẠI THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ Trung phụng Đại phu AN TẶNG phụng
chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

- ÁN (OM) Kính lễ, Đa Li (Tàre) Tốc tạt Dững
Đốt Đa Li (Tuttàre) trừ khử sọ hãi
Đốt Li (Ture) hay truyền các Thắng nghĩa
Đủ chữ, Sa ha (Svaha) con tán lễ.
- (1) Kính lễ Cứu Độ Tốc Dững Mẫu
Mắt như ánh điện chiếu chớp nhoáng
Tôn của ba cõi (Tam Thế Giới Tôn) mặt hoa sen.
Trong hoa màu nhiệm, hiện đoan nghiêm.
- (2) Kính lễ Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu
Mặt vô cấu tròn đầy rộng khắp
Như ngàn tinh tú đồng thời tụ
Uy quang thù diệu vượt hơn hẳn
- (3) Kính lễ Tử Ma Kim Sắc Mẫu
Tay sen màu nhiệm thật trang nghiêm.
Thí (bố thí) tinh cần hạnh, nhu thiện tĩn
Nhẫn nhục, Thiền định tĩn, vô cảnh (không có cảnh)
- (4) Kính lễ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu.
Tối thắng hay mãn vô biên hạnh
Được đến bờ kia không dư sót
Thắng thế phật tử rất kính yêu
- (5) Kính lễ Đát La Hồng Tự Mẫu
Tiếng chứa phương sở đầy Hư không
Vận (xoay chuyển) chân che khắp bảy Thế Giới
Thảy đều câu triệu, nhiếp không sót
- (6) Kính lễ Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu
Thần gió ^(Marud), chúng tự tại ^(vi'sê'svara) đều đến
Bộ Đa ^(Bhùta), Khởi Thi quỷ ^(vetàla), Tâm Hương ^(gandharva)
Các chúng Dược Xoa ^(Yaksa) đều xưng tán
- (7) Kính lễ Đạc La Đê phát Mẫu
Nơi Gia Hạnh (Yantra – Linh phù) khác, cực tối hoại.
Duỗi trái co phải làm chân đạp

- Đỉnh kế rực rỡ rất sáng tỏ.
- (8) Kính lễ Đô Lị Đại Khẩn Mẫu
 Dững mãnh đập tan loài ma oán
 Trên mặt hoa sen, chau lông mày (nhú 2 lông mày)
 Tồi hoại tất cả chúng oan gia.
- (9) Kính lễ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu.
 Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm
 Tô điểm phương Luân (Dik-Cakra – chân trời, tâm kiến thức) không bỏ sót.
 Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng.
- (10) Kính lễ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu.
 Mão báu, chuỗi ngọc tô điểm sáng
 Cười vui thỏa thích Đô đất lị (tuttare)
 Trấn Thế Gian Ma, tác nhiếp phục.
- (11) Kính lễ Thủ Hộ chúng Địa Mẫu
 Cũng hay câu Triệu các chúng Thần
 Cau mặt chau mày, tiếng chữ Hồng.
 Độ thoát tất cả mọi suy bại.
- (12) Kính lễ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu
 Mão hiện hào quang thắng diệu nghiêm.
 A Di Đà Phật hiện trong tóc
 Thường tỏa ánh sáng báu màu nhiệm
- (13) Kính lễ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu
 An trú rực rỡ trong Đỉnh Kế
 Vui thích rộng khắp, ngồi Bán già
 Hay tồi diệt, phá luân oan ác.
- (14) Kính lễ Thủ Ấn Đại Địa Mẫu
 Dùng chân đạp chéo làm trấn áp.
 Hiện mặt cau mày, tác tiếng Hồng.
 Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.
- (15) Kính lễ An Ấn Nhu Thiện Mẫu
 Niết Bàn tịch diệt, cảnh cực vui.
 Sa Ha (Svaha) mệnh chủng dùng tương ứng
 Khéo hay tiêu diệt họa lửa lớn
- (16) Kính lễ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu
 Các chi thể oán, khiến thoát ly.
 Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.
 Minh chú tiếng Hồng, thường soi sáng.
- (17) Kính lễ Đô Lị Ba Đế Mẫu
 Thế chân bước nhẹ, chủng chữ Hồng.
 Di Lỗ^(Meru – tên núi) man đà^(mandara – tên núi) Kết lạt tát^(kailasa – tên núi)
 Ở ba nơi này hay dao động.

- (18) Kính lễ Tát La Thiên Hải Mẫu
 Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú
 Tụng hai Đát La (Tàra) tác tiếng phát (phạt)
 Hay diệt các độc không còn sót.
- (19) Kính lễ chư Thiên Tập Hội Mẫu
 Trời, Khẩn Đa La đều yêu kính.
 Uy đức hoan duyệt như (áo) giáp cứng
 Diệt trừ đấu tranh với mộng ác.
- (20) Kính lễ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu
 Mắt nhìn giống Thắng Phổ Quang Chiếu.
 Tụng hai Hạt la (Hara) đốt đất lị (Tuttàre)
 Khéo trừ bệnh ác, dịch, độc, nóng.
- (21) Kính lễ Cù Tam Chân Phật Mẫu
 Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ
 Được xoa^(Yakṣa), chấp mị^(grahà), vĩ đất lạt^(vetàla)
 Đô Li (Ture) Tối cực trừ viêm họa (họa nóng bức)
- (22) Kính lễ Bạc Trí Siêng tinh tiến
 Chí Tâm Tụng niệm (Tán này) hai mươi một (21)
 Thành Tín lễ nơi Cứu Độ Tôn.
 Cho nên tán thán chú căn bản.
- (23) Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ
 Ghi nhớ ban cho Thắng vô úy.
 Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết
 Dễ dàng vượt qua các nẻo ác.
- (24) Đẳng này mau hay được Thông Tuệ
 Bảy câu đề Phật đã quán đỉnh
 Đời này giàu có, thọ diên an.
 Ngày sau hưởng đến các Phật vị.
- (25) Có lúc uống nhầm các vật độc
 Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp.
 Ghi nhớ lực chân Thật Thánh Tôn.
 Các thuốc độc ác, tiêu diệt hết.
- (26) Hoặc thấy người khác bị Quỷ Mị
 Hoặc phát bệnh nóng chịu các khổ
 Nếu chuyển Tán này hai (2) ba (3) bảy (7)
 Các khổ não kia đều trừ hết
- (27) Muốn xin nam nữ được nam nữ
 Cầu xin tài bảo được giàu có.
 Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện
 Tất cả chướng ngại không thể lẩn.

★ Căn bản Thập Tự Chơn Ngôn:

Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Sá Ha

OM – Tàre Tutare Ture Svàhà

★ Cứu Độ Bát Nạn Chân Ngôn:

Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Tát lị_phộc Tha

Gia Na Xá Nễ Tát lị_phộc Đố Khô Đa Lị-Nễ

Sá Ha

OM – Tare Tutare Ture – Sarvatha yana cana – Sarva duḥkho Tareṇi – Svàhà

Theo ý người dịch thì bài chú trên phải ghi lại là:

OM – Tàre Tuttàre Ture – Sarvathà yàna cana – Sarva duḥkha Tàriṇi – Svàhà.

OM: Quy kính Mẫu Tàrà

Tàre: Vượt thoát khỏi biển luân hồi

Tuttàre: Vượt thoát khỏi 8 nạn

Ture: Vượt thoát khỏi bệnh tật

Sarvathà yàna cana: Làm hiển lộ con đường tất cả thêm bậc cao thượng

Sarva duḥkha Tàriṇi Svàhà: Quyết định Thành Tựu Mẫu cứu độ tất cả khổ não.

12/01/2001

- KINH TÁN DƯƠNG 108 DANH CỦA ĐỨC ĐA LA TÔN BỒ TÁT -

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ, nước Nhạ Lan Đà La, Chùa Mật Lâm Tam Tặng Minh Giáo Đại Sư_ Sa môn được ban áo tía là THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Nhất tâm quy mệnh lễ!
Núi Bồ Đa La Ca (Potalaka)
Tốt lành đáng yêu mến.
Cõi đó dùng mọi thứ
Châu báu để nghiêm sức
Mọi loại rừng cây báu
Rũ cành lá rậm kín
Có mọi thứ thành tựu
Hoa diêu, Câu Tô Ma (Kusuma)
Hoa ấy chiếu sáng khắp.
Có mọi thứ ao hồ
Suối tuôn đủ mọi tiếng
Cũng có mọi màu sắc
Hương Tượng (Voi lớn) với Lộc Vương (vua Nai)
Phong Vương (Ong chúa) tiếng ca hay.
Nữ Khẩn Na (Kimnari) múa đẹp
Càn đạt Bà (gandharva) tấu nhạc.
Thánh Thiên với nhân dân
Mâu Ni (Muni) chúng Ly Dục
Luôn tập hội trong đấy.
Còn có chúng Bồ Tát
Với Mười Địa Tự Tại
Thánh Đa La Bồ Tát (Àrya Tàrà Bodhisatva)
Cùng ngàn đẳng Minh phi (Vidya Ràñjì)
Vây quanh đẳng Mã Đầu
Phần Nộ đại Minh Vương (Hàyagriva Krodha mahà Vidya Ràja)
Lúc đó Thánh Cụ Đức
Quán Tự Tại Bồ Tát (Àrya Avalokite 'svaràya Bodhisatva)

Vì lợi các Hữu Tình
 Đã đầy đủ hạnh lớn (Đại Hạnh)
 Đấng Từ Bi Hỷ Xả
 An lành ngồi ngay thẳng
 Trên tòa sen Cát Tường
 Trong Thai Tạng Sinh kia.
 Cùng đại chúng người, Trời
 Vì họ nói Diệu pháp.
 Bấy giờ Kim Cương Thủ (Vajra pàṇi)
 Đại Lực Phần Nộ Vương (Mahà bala Krodha Ràjà)
 Vì thương sót kẻ khác
 Nên hỏi Quán Tự Tại
 “Sư tử, voi, cọp, rắn
 nước, lửa, giặc, gông cùm
 Tắm nạn tai như vậy.
 Hữu Tình kém cõi lười
 Làm sao miễn lìa được?
 Biển luân hồi, ở lâu
 Bị tham, dục, sân, nghi
 Xoay chuyển vòng buộc quẩn
 Nếu khiến được giải thoát
 Tôi nói NẶNG NHÂN ấy
 Được Thế Gian tôn trọng”.
 Khi ấy Quán Tự Tại
 Tuôn lời nói mỹ diệu.
 Cảnh giác Kim Cương Thủ:
 “Bí Mật Chủ! Lắng nghe
 Tôi từ Vô Lượng Thọ (Amitàyus Buddha)
 Đã khởi sinh Thệ Nguyện
 Làm mẹ các Thế Gian.
 Tay cầm hoa Ưu bát (Utpala – Hoa sen màu xanh da trời)
 Phóng quang chiếu cõi này.
 Nhân gian với cõi Trời
 Kinh động loài Dực Xoa (Yakṣa)
 La Sát (Ràkṣasa) của cõi đó
 Bảo rằng: Đừng Kinh Sợ!
 Ta từ Phật biến hóa
 Hộ giúp cho Thế Gian.
 Mọi hiểm nạn, sợ hãi
 Dao binh với đói khát
 Mọi sợ hãi luân hồi

Ta cứu Hữu Tình nên
Đời xưng là Đa La (Tà-rà)
Nói là con của Phật
Lành thay! Nên tôn kính”
Nói xong liền chấp tay
Nhảy lên trụ trong không.
Hào quang thân rực lửa
Diễn bày lời nói này:
“ Một trăm lễ tám tên
Phật đời trước đã nói
Hàng Thập địa Tự Tại
Vô lượng các Bồ Tát
Nghe xong, sinh vui vẻ
Nếu có người thọ trì
Các tội đều tiêu diệt
Tăng phước, danh xưng rộng
Nhiều tiền của, tốt lành
Các bệnh tiêu tan hết
An lành trụ ruộng phước
Sống lâu và an vui
Hiện lành độ Hữu Tình
Tên ấy: Đại Mâu Ni
Đủ Đức như đã nói.”
Quán Tự Tại mỉm cười
Xem xét khắp mười phương.
Vận Tâm Từ biến hóa
Liền duỗi bàn tay phải
Tay phước tướng trang nghiêm
Bảo đấng Đại Trí rằng:
“ Lành Thay! Kim Cương Thủ!
Nay nghe Đại phước đức
Tên Diệu Tịch Tĩnh ấy.
Thẳng thắn vì ông nói
Nếu nghe được an vui
Giàu có và tự tại
Các bệnh được giải thoát
Đầy đủ các công đức
Ngưng dứt nạn chết yếu
Cuối cùng sinh Cực Lạc
Hàng chư Thiên nên biết
Lắng nghe! Nay ta nói

Các người hãy tùy vui

Trăm lễ tám tên là:

- 1) Án- Thất_lị ca lý_dã ni, ma ha đế nhạ
- 2) Lộ ca đà đát_lị, ma ha dã xả
- 3) Tát la sa_phộc đễ
- 4) Vĩ sa lạc khất_sử
- 5) Bát_la chỉ_nhương
- 6) Thất_lị
- 7) Một địa
- 8) Phộc li_đạt ninh
- 9) Địa_lị đễ na
- 10) Bồ sắt_trí na
- 11) Sa_phộc hạ
- 12) Án – Ca La
- 13) Ca ma lộ nhĩ ni
- 14) Tát phộc tát đát_phộc, tứ cấu nễ_dụ ngật_đá
- 15) Tăng nghiệt_la mộ đa la ni
- 16) Nhạ dã
- 17) Bát_la chỉ_nhương, bá la mặt đá, nhĩ vĩ_duệ
- 18) A lị_dã đá la
- 19) Ma nỗ la ma
- 20) Nộ nỗ ty
- 21) Thương xí nễ
- 22) Bồ la_noa
- 23) Vĩ nễ_dã la nghê dĩ
- 24) Phả lị_diễm phộc na.
- 25) Tán nại_la năng năng
- 26) Ma hạ Kiểu lị
- 27) A nỉ đá
- 28) Tỷ đá phộc tát sa
- 29) Ma hạ ma dã
- 30) Ma hạ Thất_phê đá
- 31) Ma hạ mặt la phả la ngật_la ma.
- 32) Ma hạ lỗ nại_la
- 33) Ma hạ tán noa
- 34) Nột sắt_tra tát đát_phộc, nễ tố na nễ.
- 35) Bát_la Tán đá
- 36) Tán đá lỗ bá tả
- 37) Vĩ nhạ dã
- 38) Nhập_phộc la năng, bát_la bà
- 39) Vĩ nễ_dụ la_ma lý.

- 40) Đặc phộc Nỉ
- 41) Thương xí
- 42) Già nặc nghệ
- 43) Tác ngật_lị
- 44) Đạt nỗ la_đạt la
- 45) Nhiễm bà nễ
- 46) Tát diêm bà nễ
- 47) Ca lý
- 48) Ca la, la đất_lị
- 49) Nễ xả tạt lị
- 50) Lạc Khất_sái Tỷ
- 51) Mệ ha nễ
- 52) Tán để
- 53) Kiến đá lị
- 54) Nại_la vĩ nị
- 55) Thú bà
- 56) Một_la hám_ma ni
- 57) Phệ na ma đá tả
- 58) Ngu tứ la
- 59) Ngu hạ, phộc tất nễ
- 60) Mãng nghệ_lị đã
- 61) Thương ca lị
- 62) Táo mỹ ca
- 63) Nhạ đá phệ na
- 64) Ma nỗ nhạ phộc
- 65) Ca ba lý nễ
- 66) Ma hạ nhĩ vĩ
- 67) Tán địa đã
- 68) Tát đá đã
- 69) Phả la nỉ đá
- 70) Sa la_tha phộc hạ ngật_lị bá vĩ sắt_tra
- 71) Nặng sắt_tra, ma la_nga, bát_la na lị_xả nễ
- 72) Phộc la na
- 73) Xả tất nễ
- 74) Xả tất đất_lị
- 75) Tất_đất_lị lỗ bá
- 76) Mật_lị đá, vĩ ngật_la ma
- 77) Xa phộc lị
- 78) Dụ nghiệt nễ
- 79) Tất đà
- 80) Tán noa lý

- 81) A nhĩ đá, độ_lỗ phộc
- 82) Thán ni_dã
- 83) Mãng ni_dã
- 84) Ma hạ bà nga
- 85) Tố bà nga.
- 86) Tất_lị dã, nại lị_xả nấng
- 87) Ngật_lị đất đá
- 88) Đất_la tát nễ
- 89) Tịch ma
- 90) Ổ nghệ_la, ổ nghệ_la
- 91) Ma ha đá bá
- 92) Nhọ nga nhĩ ca
- 93) Tứ nộn nhĩ_dụ ngật_đá
- 94) Tát la ni_dã, bà ngật_để, phộc đất_sa la.
- 95) Phộc nghiệt thất_phộc lị
- 96) Thất phộc
- 97) Tố khất_sắt ma
- 98) Nễ để_dã tát phộc đất_la nha nõ nhạ
- 99) Tát phộc la_tha, sa đạt ninh
- 100) Bạt nại_la
- 101) Ngu tất_đất_lị
- 102) Đà đất_lị
- 103) Đạt nan na ná
- 104) A bà dã
- 105) Kiểu đá nhĩ
- 106) Mãng ni dã
- 107) Thất_lị hàm
- 108) Lộ kế Thấp_phộc la, ma Tổ để.

Dem nói trăm lẽ tám
 Tên Tịch Tĩnh bí mật
 Hay lợi các Hữu Tình
 Ruộng phước kín (bí mật) hiếm có.
 Trên Trời và Nhân Gian.
 Cũng khó thể gặp gỡ.
 Khiến tất cả Hữu Tình
 Chiêm ngưỡng được an vui
 Bạc Trí nên nhất tâm
 Tắm rửa thân sạch sẽ
 Ba thời chuyên niệm tụng
 Chẳng bao lâu người ấy
 Được vua chúa yêu kính

Lìa khổ được an vui
Người tham được tài bảo
Ngu được trí tuệ lớn.
Thông sáng chẳng nghi ngờ
Giải thoát được gông cùm
Khó thắng lại được thắng
Oán phản làm bạn lành
Nanh nhọn với sừng bén
Đấu tranh và hiểm nạn
Hết thấy sự sợ hãi
Ghi nhớ các tên này.
Hay cứu sự hãi ấy
Ngưng dứt mạng chết yếu
Danh xưng được rộng bày
Thường sinh giòng Thiện quý.
Chi riêng một thân mình
Hoặc do đi, ngồi, nằm.
Sẽ được người khen ngợi
Thọ mệnh được tăng trưởng
Nhận vui sướng nhân gian.

Trời (Deva) Rồng (Nàga) với Dực Xoa (Yakṣa)

La Sát (Rākṣaṣa) Càn Đát Phộc (gandharva)

Xú Thần (Putana) Thực uế Thần (Pi'sāca)

Ma đất lổ (Mātṛ), Tâm ác (māra)

Nữ mỹ ,Noa Chỉ Nỗ (Dākṇiṇi)

Ổ bà, đất la đảng (Tāraka)

Điên, cùi và Bác hạnh

Phê đát noa (vetāla) đại quý

Nhóm Noa chỉ nỗ (Dākṇiṇi), Thần (Devatā)

Với loài tâm ác khắc

Chẳng dám vượt hình bóng

Hướng chi nơi chiến đấu.

Các Hữu Tình bạo ác

Cấm chú và Huyền Thuật

Đều chẳng thể xâm hại

Tự Tại có Uy Đức

Con cháu, tiền, súc vật

Tăng trưởng không hạn lượng

Được Túc Mệnh Trí Thông.

Thượng Tộc nhìn đều vui

Đại biện tài vô ngại

Liễu đạt các luận nghĩa
Được gặp Thiện Tri Thức
Trang nghiêm Tâm Bồ Đề
Nơi đời đời kiếp kiếp
Luôn gần gũi chư Phật.

Tán dương Thánh Đức ĐA LA BỒ TÁT 108 DANH KINH (Hết)

108 DANH CỦA TÀRÀ

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

- 1) OM – (Quy mệnh) 'sri Kalyàṇi (Đạo đức nữ) Mahàteja (Đại Uy nghiêm mẫu)
- 2) Loka strī (Thế gian nữ) mahà ya'sa (Đại danh xưng mẫu)
- 3) Sarasvati (Biện tài Thiên Nữ)
- 4) VisaràKṣu (Đại Nhãn mẫu)
- 5) Prajña (Trí Tuệ Mẫu)
- 6) 'Sri (Cát Tường Nữ)
- 7) Buddhi (Giác Tuệ Nữ)
- 8) Vardhani (Tăng Trưởng Nữ)
- 9) Dhṛ 'sina (Trì chủng loại mẫu)
- 10) Puṣṭina (Tăng Ích Mẫu)
- 11) Svàhà (Thành tựu cát tường)
- 12) OM – (Quy mệnh) Kàrà (Tạo tác mẫu)
- 13) Kamalo Jini (Liên hoa Thắng Nữ)
- 14) Sarva sattva Hita Adhyuṣṭa (Tăng trưởng lợi ích nhất thiết Hữu Tình mẫu)
- 15) Sàgra Mudraṇi (Hải Ấn Nữ)
- 16) Jaya (Tôn Thắng Thần Nữ)
- 17) Prajña paramartha Deviyē (Trí Tuệ Tối Thượng Thiên Nữ)
- 18) Àrya Tàrà (Thánh Cứu Độ Mẫu)
- 19) Mano Ràmà (Thích Duyệt ý nữ)
- 20) Duṇḍubhi (Cổ Thần Nữ – Nữ thần Đánh trống)
- 21) 'Saṃ khini (Tù Và Thần Nữ)
- 22) Pùṇḍra (Viên Mãn Mẫu)
- 23) Vidyā Ra'smi (Minh Quang Nữ)
- 24) Paryāṃ vacana (Thích Duyệt Ngôn Ngữ Mẫu)
- 25) Candra nàṇà (Nguyệt Diện Mẫu)
- 26) Mahà Gauri (Đại Bạch Huy Quang Mẫu)
- 27) Ajitā (Vô Năng Thắng Thần Nữ)
- 28) Pita vastram (Hoàng Y Mẫu)
- 29) Mahà Mayà (Đại Huyễn Hóa Mẫu)
- 30) Mahà 'sveta (Đại Bạch Sắc Mẫu)
- 31) Mahà prakrama (Đại Anh Hùng Mẫu)
- 32) Mahà Rudra (Đại Tự Tại Mẫu)
- 33) Mahà Caṇḍa (Đại Bạo Nộ Mẫu)
- 34) Duṣṭa Sattva Nisùdani (Trảm ác Hữu Tình Nữ)
- 35) Pra 'sànta (Bình Loạn Mẫu)

- 36) 'Sànta Rùpaṣya (Kiến Tạo Hòa Bình Mẫu)
- 37) Vijaya (Tối Thắng Thần Nữ)
- 38) Jvala prabha (Uy Diễm Quang Mẫu)
- 39) Vidyurmale (Điển Man Mẫu – Người đeo Tràng Hoa lóe ánh điện)
- 40) Dhvajì (Thắng Tràng Nữ – Người cầm Cây Phướng Chiến Thắng)
- 41) 'Saṃkhi (Bình Bát Nữ - Người nữ ôm bình bát)
- 42) Khatvaṅgì (Lợi Kiếm Nữ – Người cầm cây kiếm sắc bén)
- 43) Cakrì (Luân Nữ – Người cầm bánh xe)
- 44) Dhaṇḍordhàra (Trì Nhân Đầu Bổng Mẫu)
- 45) Jambhanì (Tồi Phục Nữ)
- 46) Sajambhanì (Thiên Tồi Phục Nữ)
- 47) Kàlì (Hắc Mẫu Thiên)
- 48) Kàla Ràtrì (Hắc Dạ Thần Nữ)
- 49) Nì'sa carye (Dạ Hành Thần Nữ)
- 50) RàKṣasì (La Sát Nữ hay Hộ Vệ Nữ)
- 51) Mohanì (Mê Hoặc Nữ)
- 52) 'Sànti (Tịch Tĩnh Nữ)
- 53) Kuṇḍali (Quân Trà Lợi Nữ – Người ôm ấp yêu thương)
- 54) Dramilì (Dũng Mãnh Nữ)
- 55) 'Subha (Đức Hạnh Mẫu)
- 56) Brahmanì (Phạm Thiên Nữ)
- 57) Veda mà tà ṣya (Vệ Đà Mẫu Đẳng)
- 58) Guhera (Bảo Hộ Mẫu)
- 59) Guha Vasìnì (Ẩn Cư Nữ)
- 60) Maṅgalya (Cát Khánh Mẫu)
- 61) 'Saṅkarì (Thuận Lợi Mẫu)
- 62) Saumya (Hiền Thiện Mẫu)
- 63) Jaṭa veda (Thông Minh Mẫu)
- 64) Mano japa (Thiên Xảo Ý Mẫu)
- 65) Kàpalinì (Độc Lâu Thần Nữ)
- 66) Mahà Devì (Đại Thiên Nữ)
- 67) Satya (Chân Thật Mẫu)
- 68) Sàdhàya (Nghĩ Thức Thành Tự Mẫu)
- 69) Parajita (Năng Thắng Thần Nữ)
- 70) Sàrtha vàha Kṛpà Dṛṣṭi (Bi Mẫn Kiến Thần Nữ)
- 71) Nàṣṭi marga pradar'sani (Hướng Đạo Nữ)
- 72) Varada (Dữ Nguyện Mẫu)
- 73) 'Sàrani (Huấn Luyện Nữ)
- 74) Sastrì (Giáo Viên Nữ)
- 75) Strì Rùpa (Trì Nữ Hình Mẫu)
- 76) Amṛta Vikrama (Bất Tử Anh Hùng Mẫu)

- 77) 'Sabari (Đa Sắc Nữ – Người hay ẩn thân)
- 78) Yogini (Du Già Nữ)
- 79) Siddhe (Thành Tựu Nữ)
- 80) Caṇḍari (Bạo Nộ Nữ)
- 81) Ajita 'sruta (Vô Năng Thắng xuất chúng Mẫu)
- 82) Sannya (Ly Hạnh Mẫu)
- 83) Maṇiya (Như Ý Đẳng Mẫu)
- 84) Mahà bhaga (Đại Đức Tính Mẫu)
- 85) Subhaga (Thiện Đức Tính Mẫu)
- 86) 'Sriya Dar 'sana (Cát Tường Kiến Mẫu)
- 87) Kṛtva (Khởi Tạo Mẫu)
- 88) Trasani (Tam Lợi Nhuận Nữ – Người nữ có 3 thứ sắc đẹp, danh vọng, của cải)
- 89) 'Sima (Giới Đàn Mẫu)
- 90) Urga durga (Uy Mạnh Bạo Ác Thần Nữ)
- 91) Mahà Sarpa (Đại Xà Mẫu)
- 92) Jagat Jik (Thắng Thế Gian Mẫu)
- 93) He!^(Mừng thay) Anu adhyuṣṭa (Thuận Tăng Trưởng Mẫu)
- 94) Sara Adhya Bohakti vassara (Tín Giáo Thiện Hữu Mẫu)
- 95) Bhage 'svari (Đức Tính Tự Tại Mẫu)
- 96) SvàK (Ngôn Ngữ Chủ Mẫu)
- 97) Sukṣma (Hoan Hỷ Mẫu)
- 98) Nitya Sarvathà Anugate (Nhất Thiết xứ đồng hành Mẫu)
- 99) Sarvārtha Sàdhani (Thành Tựu nghĩa lợi nữ)
- 100) Bhadra (Hiền Mẫu)
- 101) Guhya stri (Bí Mật Nữ)
- 102) Stri (Y Tá Nữ)
- 103) Dhanadanì (Tài Thí Nữ)
- 104) Abhaya (Vô Úy Mẫu)
- 105) Gotamì (Cồ Đàm Mẫu)
- 106) Malya (Thắng Man Mẫu – Người đeo vòng hoa chiến thắng)
- 107) 'Sri maṃ (Tôi Khen ngợi ca tụng)
- 108) Loke 'svara masuti (Người con gái mỹ lệ của Thế Tự Tại)

13/01/2002

KÍNH LỄ TÁN 21 LOẠI CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: NẠP MA A LẠT TÁP ĐÁP LẠT DIỆP
Việt dịch: HUYỀN THANH

- Kính lễ Thánh Đại Bi Tạng Quán Tự Tại Bồ Tát.
- Thăng cảnh Ba Đáp Lạp (potalaka)
Chữ ĐÁP (_ TÂM) màu lục sinh.
Tam Thế Phật Nghiệp Mẫu
Vô Lượng Quang (Amitàbha) nghiêm đĩnh.
Cầu Ngài, quyến thuộc đến.
 - Chư Thiên, phi Thiên nghiêm đĩnh kế.
Cung kính quỳ dâng sen dưới chân
Mẫu tế độ cho chúng nghèo khổ.
Đến lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu
 - ÁN – Kính lễ Tôn Thánh Cứu Độ Mẫu.
(H1): Màu xanh lục.
 - ÁN (OM) Kính lễ, Đa Lị (Tàre) Tốc Dững Mẫu.
Đốt đa lị (Tuttàre) trừ khử sợ hãi
Đốt lị (Ture) hay truyền các thắng nghĩa
Đủ chữ Sá ha (Svàhà) con tán lễ.
(H2): Màu đỏ
 - Kính lễ Cứu Độ Tốc Dững Mẫu
Mắt như ánh điện chớp chiếu soi
Thế Tôn ba cõi, mặt hoa sen.
Trong hoa màu nhiệm hiện đoan nghiêm.
(H3): Màu trắng
 - Kính lễ Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu.
Chiếu tròn khắp cả mặt Vô Cấu.
Như ngàn tinh tú cùng tụ hội
Uy Quang Thù Thắng vượt hơn hẳn.
(H4): Màu đỏ
 - Kính lễ Tử Ma Kim Sắc Mẫu
Tay sen màu nhiệm rất trang nghiêm
Thí (bố thí) tinh Cần hạnh, nhu Thiện Tĩnh
Nhẫn nhục, Thiền Định Tĩnh Vô Cảnh (không có cảnh)
(H5): Màu vàng

- Kính lễ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu
Tối Thắng hay mãn vô biên hạnh
Đức đến bờ kia, không dư sót
Thắng Thế phật tử rất kính yêu
(H6): Màu vàng ròng
- Kính lễ Đát La Hồng Tự Mẫu
Tiếng chứa phương sở đầy Hư không.
Vận chân che khắp bảy Thế Giới
Đều hay Câu Triệu, nhiếp không sót.
(H7): Màu đỏ
- Kính lễ Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu
Thần Gió (Marud) chúng Tự Tại (Vi'sê 'svara)
Bộ Đa (Bhùta) khởi Thi quỷ (Vetàla) Tầm Hương (Gandharva)
Các chúng Dược Xoa (Yakṣa) đều xưng tán.
(H8): Màu xanh
- Kính lễ Đạc La Đê Phát Mẫu
Nơi Gia hạnh (Yantra-Linh phù) khác, cực tối phá.
Duỗi trái co phải làm chân đạp.
Đỉnh Kế rực rỡ rất sáng tỏ.
(H9): Màu hồng
- Kính lễ Đô Lị Đại Khẩn Mẫu
Dũng mãnh hay tối hoại ma oán
Trên mặt hoa sen hiển cau mày
Tối hoại tất cả chúng oan gia.
(H10): Màu hồng
- Kính lễ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu.
Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm.
Nghiêm sức phương luân (Dik-cakra, chân trời) không dư sót.
Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng
(H11): Màu hồng
- Kính lễ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu
Bảo quang, châu man, điểm (nghiêm sức) hào quang.
Cười thật vui tươi Đổ đất lị (Tuttàre)
Trần Thế Gian Ma, tác nhiếp phục.
(H12): Màu xanh
- Kính lễ Thủ Hộ chúng Địa Mẫu.
Cũng hay câu triệu các chúng Thần
Nhấn mặt cau mày, chữ tiếng hồng.
Tất cả suy bại khiến giải thoát.
(H13): Màu vàng ròng
- Kính lễ Đỉnh Quang Nguyệt Tướng Mẫu

Mão hiện hào quang Thắng Diệu Nghiêm

A Di Đà Phật hiện trong tóc

Thường phóng ánh sáng báu màu nhiệm.

(H14): Màu đỏ

- Kính lễ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu.

An trụ rực rỡ trong Đỉnh Kế.

Vui thích rộng khắp, ngồi Bán Già

Hay tối diệt, phá luân oan ác.

(H15): Màu xanh

- Kính lễ Thủ Ấn Đại Địa Mẫu.

Dùng chân dày xéo, tác trấn áp

Nhăn mặt cau mày, tác tiếng Hồng

Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.

(H16): Màu trắng

- Kính lễ An Ẩn Nhu Thiện Mẫu

Niết Bàn Tịch Tĩnh, cảnh Tối Thắng

Sá ha (Svaha) mệnh chủng dùng tương ứng

Khéo hay tiêu diệt tai họa lớn

(H17): Màu trắng

- Kính lễ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu

Các Chi Thể oán, Khiến giải thoát

Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.

Minh Chú, tiếng Hồng thường soi sáng.

(H18): Màu vàng

- Kính lễ Đô Li Ba Đế Mẫu.

Thế chân bước nhẹ, chủng chữ Hồng

Di Lô (Meru) Mạn Đà (Mandara) Kết Lạt Tát (Kailasa)

Ở ba núi này hay dao động.

(H19): Màu vàng

- Kính lễ Tát La Thiên Hải Mẫu

Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú

Tạng hai Đát La (Tara) tác tiếng phát (phạt)

Hay diệt các tội không dư sót.

(H20): Màu vàng ròng

- Kính lễ Chư Thiên Tập Hội Mẫu

Trời (Deva) Khẩn na la (Kinnara) đều kính yêu.

Uy đức hoan duyệt như giáp (áo giáp) cứng

Diệt trừ đấu tranh với mộng ác.

(H21): Màu vàng

- Kính lễ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu

Mắt nhìn như Thắng phổ Quang chiếu.

Tụng hai hạt la (Hara) Đốt đất li (Tuttàre)

Khéo trừ bệnh nóng, dịch, độc, ác.

(H22): Màu xanh

- Kính lễ Cụ Tam Chân Thật Mẫu
Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ
Được Xoa (Yakṣa) Cháp My (Grahà) Vĩ Đát Lạt (Vetàla)
Đô Li (Ture) Tối cực trừ tai họa.
- Nếu có người Trí siêng tinh tiến
Chí Tâm tụng đây (bài tán này) hai mươi mốt (21)
Nơi Cứu Độ Tôn thành tín lễ
Cho nên ca ngợi Chú căn bản.
- Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ
Ghi nhớ ban cho Thắng Vô Uy
Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết
Thấy hay vượt qua các nẻo ác
Hàng này mau hay được thông Tuệ
Bảy câu đề (700 Triệu) Phật đã quán đỉnh
Đời này giàu có, thọ diên an.
Ngày sau hưởng tới các Phật vị
- Có lúc uống lầm các vật độc
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp
Nhớ lực chân thật của Thánh Tôn.
Các thuốc độc ác, diệt trừ hết.
- Hoặc thấy người khác bị quỷ mị
Hoặc phát bệnh nhiệt chịu các khổ.
Nếu chuyển Tán này hai (2) ba (3) bảy (7)
Các khổ não kia đều trừ hết
- Muốn cầu nam nữ được nam nữ
Cầu Tài Bảo vị được giàu có
Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện
Tất cả chướng ngại chẳng thể lẩn
- Phật Mẫu Tôn, Thánh Cứu Độ Mẫu
Hết thấy Chư Phật với đệ tử
Ở trong ba đời khắp mười phương.
Nay con nhất tâm kính tán lễ.
- Hương, Hoa, đèn, nến với nước thơm
Diệu thực, kỹ nhạc mọi cúng dường.
Chân thật dâng hiến liền hiển hiện
Nguyện xin chúng thánh vui thọ nhận.
- Từ thuở vô thủy cho đến nay.
Mười điều bất thiện, năm vô gián

- Do tâm phiền não đã tạo ra
Tất cả tội ác đều sám hối
- Thanh văn, Duyên Giác, các Bồ Tát
Cho đến phàm phu, các Hữu Tình
Ba đời gom chứa các phước thiện
Con đều tùy hỷ hết không dư.
 - Tùy theo căn gốc các Hữu Tình
Thích nghi với mọi Trí sai biệt
Ứng với Đại, Tiểu, loại thông thường
Khuyến chuyển tất cả Luân Diệu Pháp
 - Từ nay thẳng đến luân hồi, Không
Thỉnh thường trụ thế, chẳng Niết Bàn
Vì các chúng sinh trong biển khổ.
Xin Thánh Mẫu dùng mắt Từ quán.
 - Nay con gan chứa các Phước Thiện
Đều thành nhân Vô Thượng Bồ Đề.
Chỉ nguyện chẳng lâu ở chúng sinh.
Chứng được Vô Thượng Dẫn Đạo Sư.
 - Tôn Thánh Phật Mẫu đủ Từ Bi
Giúp con với tất cả chúng sinh
Mau tỉnh các chướng, đủ Tư Lương.
Nay nguyện khiến được chứng Bồ Đề.
 - Thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề Vị
Đời đời luôn được thường an lạc
Ở tất cả xứ tu Bồ Đề
Gián đoạn các nơi Ma Tôn trọng
 - Bệnh tật, tất cả loại Thiên Thọ
Các giấc mộng ác, tướng Bất Lợi
Tám Bố (8 sự sợ hãi) tất cả việc nào hại
Nay nguyện gấp rút tiêu trừ hết
 - Thế Gian cùng với xuất Thế Gian
Tất cả Thiện Lạc nơi phong túc
Tăng thịnh tất cả việc nhiều ích
Nay nguyện khiến được tự nhiên thành
 - Tinh tiến tu hành pháp Tăng ích
Tu đầy thường được thấy mặt Thánh
Ngộ nhập nghĩa Không, ý Bồ Đề
Nay nguyện như Trăng mông một tăng
 - Chúng Hội Phật kia đều thanh tịnh
Thời con sinh ở Thắng Liên Hoa
Nhìn thấy Như Lai Vô Lượng Quang (Amitàbha Tathàgata)

- Đời này nhận con, ký Bồ Đề.
- Con từ Trụ Thế, nơi Tu phật
Tất cả Phật nghiệp mẫu ba đời
Một mặt, hai tay, thân màu lục
Nguyện cầm hoa Ưu Bà (Utpala) cát tường.
 - Phật Mẫu thể vi diệu thế nào?
Cùng với quyến thuộc và thọ lượng
Cảnh giới, danh hiệu như thế nào?
Nguyện cho chúng con cũng như vậy.
 - Tán chúc lực Thiện vi (nhỏ nhiệm) Tôn ấy.
Chúng con tùy phương sở, Trú xứ
Diệt hết bệnh, ma, nghèo, tranh đấu.
Cầu xin cho tăng trưởng tốt lành
 - Lễ cúng Thế Tôn Mẫu
Con đem Thiện đã chứa
Nguyện chúng sinh Thế giới
Đều sinh Cực Lạc Giới
 - Bỏ lỗi Thân, Trang nghiêm tướng tốt
Bỏ lỗi Ngữ, được âm Tần Già (Kalaviñka)
Bỏ lỗi Ý, chứng Nhất Thiết Trí (Sarva jñā)
Thành Tựu công đức thắng cát tường.

Thánh Cứu Độ Mẫu 21 chủng Lễ Tán Kinh (Hết)

13/01/2002

BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TÁN

Hán dịch: Trụ Trì chùa Tĩnh Trụ ở Bắc Kinh – A VƯƠNG TRÁT THẬP

Việt dịch: HUYỀN THANH

* Nạp ma Chí Tôn Thánh Cứu Độ Phật Mẫu

- An(Om) Cứu Độ Du Hồi Đáp Liệt Mẫu (SamSkara Tàre – Độ thoát luân hồi Mẫu)
Dùng Đô Đáp Liệt (Tuttàre) thoát tám nạn.
Tất cả bệnh tội, Đô Liệt (Tùre) cứu
Trước Cứu Độ Mẫu kính tán lễ
- Chính giữa hoa sen màu Trắng tịnh
Trên đó an bày tòa Nguyệt Luân.
Tòa hiện Kim Cương Du Già Mẫu (Vajra yogini)
Trước Thí Nguyên Mẫu, chí kính lễ.
- Mặt như tướng ánh sáng Trăng Thu
Thân Phật Mẫu tựa Hạo phách luân.
Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả
Trước Đấng cầm hoa (Ulpala – Hoa sen xanh da trời) xin kính lễ
- Đầy đủ Thể tướng mười sáu tuổi.
Tất cả chính Giác đều là con
Đảm đương ban bố tùy ước muốn
Kính lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu.
- Luân Trắng tinh tỏa hào quang trắng
Trên tám cây cãm hiện tám chữ.
Tất cả đồng với tướng xoay chuyển
Hướng trước Cụ Luân, chí kính lễ.
- Tất cả sát Thổ (cõi, nước) đều thanh tịnh
Trong đó rải đầy nhiều hoa báu
Đản sinh Mẹ của Phật ba đời
Trước Mẫu Tôn ấy, chí kính lễ.
- Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu
Tặng ích Thọ Mẫu, Như Ý Luân.
Trước Phật Mẫu Tôn xin cầu đảo
Làm tiêu thọ duyên Ma của con.
- Bệnh tật, tất cả nạn khổ đau.
Cầu xin bảo hộ giúp cho con.
Các Thành Tựu Thắng với Thông Thường

- Ban bố cho con không dư sót
- Trước Thánh Mẫu Tôn, thành kính lễ
Xin thường ghi nhớ như con đỏ
Trước Tôn con cũng chí khẩn cầu
Cầu xin thường cầm Từ Bi Cầu (móc câu Từ Bi)
 - Thắng Thân Phật Mẫu như ánh trăng.
Yếu điệu nhu thiện thể đoan nghiêm.
Diệu tướng điểm tô nhiều vật báu
Dùng lụa là tốt tạo quần xiêm
 - Trên tòa báu vành trăng hoa sen.
Hai chân ngồi Kim Cương Kiết Già
Một mặt, hai tay, dung mạo vui
Sinh làm mẹ của Phật ba đời.
 - Trước Phật Mẫu Tôn thường quì lạy
Nay đối trước Tôn dùng diệu tán
Xin giúp chúng con lúc tu đạo
Từ nay cho đến được Bồ Đề
Tiêu trừ mọi nghịch duyên trong đó.
Nguyện được đầy đủ nơi Thuận duyên.
- “Án – đáp liệp, đô đáp liệp, đô liệp, mạ mạ, a du lị bồ nột điệp, ni nạp, bồ chân, cổ lỗ điệp, sá ha”.

* Bạch Độ Mẫu Chú:

Oṃ – Tàre Tuttàre Ture – Àyuh punye jñàna puṣṭim Kuru – Svàhà.

Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán (Hết)

14/01/2002

ĐA LA BỒ TÁT HỘ TRÌ

(Trích trong Kinh Bát Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Thần Biến, quyển 19, phẩm 37)

Hán dịch: Bồ Đề Lưu Chi

Việt dịch: Huyền Thanh

Bấy giờ Đa La Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải, quay trở về trụ một bên, rồi bạch với Đức Phật rằng:

“Thế Tôn! Tôn Giả Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy hay khéo diễn bày. Bát Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đà La Ni Chân Ngôn Đàn Ấn Tam Muội Gia này cho người trì Chân Ngôn ở Thế Gian được lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nay con cũng có Bát Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đa La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia – Nếu người tu Chân Ngôn ở trong 21 ngày thanh tịnh như Pháp, tinh tiến niệm tụng, hoặc thường tụng trì Chân Ngôn này – Con sẽ tùy theo ủng hộ, dùng mọi thứ Thần biến của Tam Muội, thị hiện ban cho các Nguyện Quả – Con muốn ở trước mặt Đức Phật diễn bày, nguyện xin rủ lòng thương nhận cho”

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng “Lành thay! Lành thay! Người nên nói – Ta sẽ gia bị cho”

Khi ấy Đa La Bồ Tát liền nói **Bát Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn** là:

- 1- Na Mạc Tắc Trát lệ duệ, đặc tấn ca nam.
- 2- Đả Tha nga đá nam
- 3- Xá chỉ dã, la nhạ
- 4- A địa sắt xá na
- 5- Na mạc tắc khát lệ đa nam.
- 6- Na mô la đất na đất la gia dã
- 7- Na mạc A_lợi gia
- 8- Phộc lộ chỉ đế Thấp phộc la dã
- 9- Bồ địa tát đỏa dã
- 10- Ma ha tát đỏa dã
- 11- Ma ha ca lố ni ca dã
- 12- Na mạc tắc đả la duệ
- 13- Ma la nhĩ mê
- 14- Án- Đả la ni, đả la ni
- 15- Đả lệ, bát đầu ma
- 16- Nhĩ bộ sử đa, đả lệ

- 17- Ma ni, ca ná na
- 18- Nhĩ chất đất, ma lê
- 19- Nhạ tra, ma câu tra.
- 20- Ma ni đả, bát_đầu mê
- 21- Độ lỗ, độ lỗ
- 22- Bát_đầu ma, bá xã, bộ nan
- 23- A mô già, bá xã, ca tặc đê.
- 24- Đả la dã, bả già phộc để.
- 25- Ma ha tất địa, bà la ni
- 26- Đồ lỗ, đồ lỗ
- 27- Ma ha đả la ni
- 28- Bà la nê, sa đa dã, tất đê
- 29- A mộ già, bả la nê
- 30- Sa_phộc hạ

- Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

“Án – A Mô già, bát đầu nhĩ nễ, đả lê, sa_phộc ha”

- Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

“Án – Ma Ni, đả lê, Hàm

Thế Tôn! Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn này ban cho người tu Chân Ngôn mãn các điều cầu nguyện.

Nếu tô điểm Đạo Trường, đặt Tượng Đa La – Lấy An Tất Hương, Tô Hợp Hương, Tái Tất Lật Ca Hương, ... hòa hợp như Pháp – Dùng chân ngôn ấy, ngày đêm như pháp gia trì vào Hương, rồi thiêu đốt thừa sự cúng dường, tụng 10 vạn biến – Con (Đà La Bồ Tát) liền hiện thân ban cho điều nguyện cầu – trừ bỏ tai nạn về các Được xoa, La sát, Quỷ Thần, đấu tranh,...

Thế Tôn! Nếu người tu Chân ngôn, mỗi khi muốn nằm thì ở trước tượng, đốt hương, tụng 21 biến rồi nằm ngủ, con mau chóng hiện trong mộng, ở trước mặt người ấy diễn nói tất cả việc pháp trong 03 đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) khiến cho người ấy được viên mãn tất cả tri giải, thành tựu phước đức, trừ diệt tất cả tai quái bệnh não – Sau khi người ấy chết, con sẽ hiện thân ban cho chính niệm và đưa người ấy vĩnh sanh về cõi Phật, hóa sinh trong hoa sen, viên mãn mọi sắc tướng, được Túc Trụ Trí, được các Như Lai thọ ký riêng, được thân Kim Cương trụ trong Đoàn Hội chủng tộc của các Như Lai cho đến chẳng bị thoái chuyển nơi vô Thượng chính đẳng Bồ Đề.”

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng:

“Lành thay! Lành thay! Người hay nói về **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đĩnh Ma Ni Chân Ngôn** để hộ trì cho tất cả người tu Chân ngôn được Tất Địa Tối Thắng – Người nên Gia bị tối thượng Nguyện Địa mà ủng hộ cho họ”.

★ **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đĩnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn**

* Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

- Namaḥ Striyadhvikanaṃ Tathāgatānaṃ (Kính lễ các Đấng Như Lai của ba đời).
- 'Sākya Rāja Adhiṣṭhana Namaskṛtanaṃ (Kính lễ lực gia tri của Thích Ca Vương).
- Namo Ratnatrayāya (Quy mệnh Tam Bảo).
- Namaḥ Ārya Avalokite'svarāya Bodhisatvāya mahā Satvāya mahā Kāruṇikāya (Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát ma ha tát).
- Namaḥ Sadhāraṇe mālā nīmī (Kính lễ Đấng Diệu Trì với chuỗi ngọc lấp lánh).
- OM (Quy mệnh).
- Tārāṇi (Đấng Chiến Thắng) Tārāṇi (Đấng Tự Do) Tārā (Đấng Cứu Độ Mẫu).
- Padma vibhūṣita Tāre (Đấng Cứu Độ Mẫu dùng hoa sen để trang sức).
- Maṇi, Kanaka, Vicitra māle Jata makūṭa, maṇḍita padme (Ngài ngự trong hoa sen được trang điểm bằng mào báu vòng hoa nhiều màu; vàng; ngọc như ý).
- Dhuru Dhuru (lóa sáng, tỏa những tia sáng của lửa)
- Padma pā'sa Bhūtaṃ Amogha pā'sa kṣati Tārāya (Sợi dây hoa sen trở thành sợi dây Bất Không cứu giúp vượt qua sự tổn hại bất lợi).
- Bhagavate mahā siddhi Bharāṇi (Thế Tôn Đại Thành Tựu ủng hộ).
- Turu Turu (Tốc tạt, mau chóng, gấp rút)
- Mahā Tārāṇi Bharāṇi Sādahaya Siddhi (Thành Tựu hoàn toàn phong thái của Đại Cứu Độ Mẫu).
- Amogha Bharāṇi Svāhā (Thành Tựu viên mãn phong thái của Đấng Bất Không)

★ ***Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn***

OM – Amogha padmīṇi Tāre – Svāhā. (Quy mệnh Bất Không Liên Hoa Cứu Độ Mẫu – Thành Tựu cát tường)¹

★ ***Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:***

OM – Maṇi Tāre – Svāhā (Quy mệnh Như Ý Cứu Độ Mẫu – Thành Tựu cát tường).

14 – 02 – 2002

¹ Quy mệnh – Người đàn bà tuyệt hảo của Đấng Bất Không – Thành tựu cát tường.

PHẬT THUYẾT THÁNH ĐA LA BỒ TÁT KINH

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng – Triều Tấn đại phu Thí Quang Lộc Khanh
– Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỂN phụng chiếu dịch.
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe – Một thời Đức Phật ngự tại núi HƯƠNG TÚY trong cung của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương – Nơi đấy có mọi loại kỹ nhạc , đàn ca phát ra âm thanh vi diệu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trong Cung điện lớn cùng với các chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự – Lại có các chúng Đại Thánh đến tập hội là các chúng Thanh Văn Hữu Học, Vô Học cùng với vô lượng vô biên Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Sát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân, ...

Lại có vô lượng vô biên bậc Thành Tựu Trì Minh, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ với trăm ngàn chúng của Hoàng Phần Nộ Vương, Trì Minh Vương ...

Lại có **đủ mọi loại chúng của hàng Trì Minh**, Bảo Kế Phật Đỉnh Luân Vương.

Lại có Tú Diệu Mẫu , Quý Mẫu , Quý Vương, với các Trời Đế Thích, Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên, Khánh Tự Tại Thiên, Đại Hắc Thiên Thần, Đồng Tử Thiên, Dạ Ma Thiên, Thủy Thiên, Phong Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên và Ngũ Thông Tiên Nhân ... đều đến dự hội, tác cúng dường rộng lớn, vây quanh Thừa Sự, chấp tay cung kính.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở nơi chúng hội ví như núi Tu Di hiện trên biển lớn – Khi ấy Càn Đạt Bà Vương cùng với 72 trăm ngàn Nữ Càn Đạt Bà tấu mọi loại kỹ nhạc đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, quay lại ngồi một bên rồi chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Thế Tôn! Nay con nguyện nghe về việc lợi ích. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con diễn nói. Thánh Đa La Bồ Tát kia tức là Tâm Tử của Chư Phật Như Lai, là ĐẠI MINH VƯƠNG Giáng Ma Tối Thắng, là Đại Trì Minh, là Đại Luân Vương có đầy đủ thế lực lớn thâm sâu rộng rãi – Nguyện xin Đức Thế Tôn thương xót con với Trời, Người, A Tu La, ... khiến cho người thường được lợi ích an vui mà diễn nói về 108 tên của Thánh Đa La Bồ Tát .”

Lúc đó, Đức Thế Tôn nhận lời của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương xong thì khen ngợi rằng:

“Lành Thay! Lành Thay Càn Đạt Bà Vương! Ông hay hỏi Như Lai về nghĩa như vậy khiến cho các Trời, Người, tất cả chúng Hội được lợi ích lớn và được an lạc – Ông nên lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Nay ta vì ông mà diễn nói thứ tự”

Thời vị Càn Đạt Bà Vương kia nghe Đức Phật xong, liền tin nhận lắng nghe –
Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Càn Đạt Bà Vương ấy với tất cả chúng hội, thoạt tiên nói
Thánh Đa La Bồ Tát Đà La Ni là:

1. Na mô Tam mãn đa na li_thủy tỳ_dược
2. Tát li_phộc đất tha nga đế tỳ_du
3. A la_hạt nột_tỳ_dược
4. Tam miệu Tam một đề tỳ_dược
5. Na mô bà nga phộc đỏi_duệ
6. A li_dã đa la duệ
7. ÁN – Tát li_phộc đất tha nga đa
8. Đất tha đa, Bộ đa, cổ trí
9. Ba li Thú đề, một đề, Tát li_phộc đất tha nga đa
10. Tát li_phộc đạt li_ma đa
11. Nga nga na, A mạt la, vĩ Thú đà, đạt li_ma đế
12. Ma hạ na dã, ba li phộc li, sá ha.

Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong, lại vì Càn Đạt Bà Vương với tất cả chúng
hội diễn nói 108 tên của Đa La Bồ Tát, rồi nói kệ rằng:

Đa La Bồ Tát này
Vốn từ chữ A () sinh.
Hoặc sinh các Hành Tướng
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Tướng ấy như Hư không.
Vì tính Hư không sinh
Tùy ứng, hiện Bản tính
Tướng một, Nhiều không ngại
Sắc tướng hiện vô biên.
Thuần một Thể Thiện Tịch
Thường hiện tướng Huyền Hóa
Mật Ngữ, Chân Thật Ngữ
Nhiếp lý Đại Chân Thật
Thường hành Hạnh chân thật
Cho nơi không sợ hãi
Vắng lặng thường Trừ giận.
Lìa các Khổ đáng sợ
Khéo phá lòng phiền não
Hay giải (cởi bỏ) Tam Hữu phộc (sự trói buộc của ba cõi)
Đền lìa hẳn biển khổ
Hay làm pháp Thành Tự
Tự, Tha đều thành tự
Chỉ cho Pháp Tối Thượng
Tổng Trì Tự Tại Vương

Cũng từ Tổng Trì Sinh
Cho Đại Nghĩa Tổng Trì
Tương ứng Đại Tự Tại
Tâm ý, tương ứng đủ.
Chẳng là tương tương ứng.
Tương tương ứng chẳng là
Định ý thường bất động
Có động thường lặng lẽ
Thường ở Tòa hoa sen.
Cũng từ hoa sen sinh
Mắt tịnh như sen xanh
Thường làm mắt chúng sinh.
Thanh tịnh rất thù diệu
Mắt Từ (Mắt hiền lành) nhìn chúng sinh
Mắt phật Tuệ vô lậu (không dò rỉ)
Đủ Đại Bi thuần nhất.
Thường phát tâm Đại Bi
Thường hành hạnh Đại Bi
Cũng từ Đại Bi sinh
Xót thương kẻ khó phục
Dùng Bi giáng khắp cả
Bao nhiêu điều khổ não
Trừ khổ khiến vui vẻ
Vị Cam Lộ pháp thí
Cứu khổ được an vui
Làm trong mát biển khổ
Gọi là Tự Tại Mẫu.
Chiếu sáng khắp các cõi
Dung mạo sáng rực rỡ.
Mọi ngọc báu, mào tóc
Sáng thanh tịnh viên mãn.
Ma Ni, Ngọc Trang sức
Tóc kết màu xanh biếc
 Xoắn ốc xoay bên phải
Trang nghiêm Thể Vô Vi
Người Bất Thiện khiến Thiện
Tất cả nguyện đều tròn
Thân trang nghiêm khó sánh
Thiện Ý và Thiện Thệ
Vắng lặng thường an lạc
Đại Lạc Như Ý Thông.

Sáu niệm đủ sáu thông
Được các Ba La Mật
Khéo nói Pháp Bốn Đế (Tứ Diệu Đế)
Đại Biện Tài khai mê.
Trong biển khổ huyễn hóa
Hiện hành tướng huyễn hóa
Cầm kiếm phá phiền não
Cung, Tên và Tam xoa
Bát, Gậy với cây thương
Đô ma la Thước Đế
Một Nga La Kim Cương
Đủ mọi loại Khí Trượng
Quán nhìn chỗ cầm Tên (mũi tên)
Điều cho vô sở úy (không còn sợ hãi)
Tay ném chày Kim Cương.
Hiện tác Vô Ngại Thông.
Hay giáng phục quân địch
Biểu Sát, hiện tướng phượng.
Đủ lực Trí Tuệ lớn
Khéo phá quân dũng mãnh
Làm tan phiền não ám
Điều phá giặc ma oán
Như Nhật (mặt Trời) trừ tăm tối
Đây là Thượng Tối Thắng.
Khéo vượt biển luân hồi
Tối Thượng Đại cát tường
Thực tế trụ duy chân
Nghe Tên, xưng phổ biến.
Thường cho, nhận, kính, nguyện.
Thắng mình lại thắng người
Thường hành Hoan Hỷ Thí.
Vi diệu tối thượng tịch
Đây là Trí Như Lai
Báu Như Ý ngửa khắp
Giữ đầy đủ Giới Tướng
Dùng Giới, hành Chánh Đạo
Phạm Âm rất vi diệu
Âm Tối Thượng ba đời
Một tiếng vang vi diệu
Như Đại Tạng Hư Không
Khéo sinh các Thế Gian

Không tranh vật nường tựa
Ba Thừa là chỗ nường
Y hạnh, hành 3 thừa
Giáo 3 Thừa giải Thoát
Chư Phật y 3 Thừa
Năm mắt cũng năm mắt
Y năm Trí Tính Sinh.
Chính Giác Thành Bồ Đề
Tức là Đại Chính Đạo.
Tất cả mọi loại Tướng
Thân Thanh Tĩnh thù diệu.
Đều tùy ứng hiện sinh.
Soi đời như Tú Diệu
Tự hay đạt bờ kia.
Cũng khéo độ người khác
Tùy ý hóa trăm ngàn
Khéo nhiếp các Thiện Nghĩa
Đầy đủ trăm ngàn phước
Thuần nhất hóa Thế Gian
Khéo buông (xả bỏ) mọi tiền tài
Mọi loại tướng huyễn hóa
Thế Gian Đại Tự Tại
Cát tường các Thiên Tôn
Cầm sen xanh màu nhiệm
Đủ Giới, Thí, các nguyện
Vui Thiện thường vắng lặng
Ánh lửa Tuệ đại Tĩnh
Trừ sạch các ác chướng
Tất cả ma chủ kia
Cứu nạn cho an vui
Tâm bình đẳng vô đẳng
Trừ hết cả đấu tranh
Bộ Đa chủ Tế mẫu
Bảo là Dược Xoa Vương
Hiện thân làm Rồng lớn
Đủ trăm đầu ngàn mắt
Trăm lưỡi, tướng đại ác
Tâm Vô Úy chân thật
Đủ trăm ngàn chủng thắng.
Địa Thiên Khéo Trì Thế (giữ gìn Thế Gian)
Thường vui, lời vô úy

Trừ hết: bệnh, dịch, độc
Hào quang lớn thù diệu
Không dơ thường thanh tịnh
Tất cả Thế Gian Mẫu
Giữ Pháp Lợi Thế Gian
Tối Thắng Quán Đỉnh Vương
Làm xong điều cần làm
Đủ mười Ba La Mật
Thường ở mười địa vị
Tặng hiến mười pháp thừa
Mười lý đại chân thật
Trụ mười câu Kim Cương
Biểu sát, Mười Pháp Giới
Mười Trí Trừ Ám Tối
Mất Quán Thế Tự Tại
Đủ sắc tướng đại diệu
Ngang hư không vô biên
Hoặc hiện Ngũ Thông Tiên
Đủ Giới, tướng tự tại
Thân ly dục, ứng cúng
Thường an đạo Tịch Tĩnh
Chính Giác đã ca ngợi
Đa La Bồ Tát này.

Khi Đức Thế Tôn nói Kệ này xong, bảo Càn Đát Bà Vương với tất cả chúng hội rằng:

“Đấy là 108 Tên của Đa La Bồ Tát – Ta vì Ông diễn nói – các ông cần phải chí tâm thọ trì 108 tên của Đa La Bồ Tát với Đa La Ni – mà Chư Phật đời quá khứ với vị lai đã nói và sẽ nói vì lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ Thiện phát tâm chí thành – vào buổi sáng thanh tịnh hoặc vì mình vì người tụng 108 tên với Đa La Ni của Đa La Bồ Tát cho đến niệm thâm (mặc niệm) – hoặc dùng 4 miếng lụa trắng làm thành nền vẽ tượng – hoặc trên một bức tường sạch, y như phép dùng màu sắc tối thượng diệu vẽ tượng Bồ Tát – hoặc dùng gỗ Đàn Hương làm thành tượng Bồ Tát – dùng tâm Thanh Tĩnh tùy ý thực hiện – sau đó ở trước tượng Bồ Tát. Bày mọi thứ cúng dường, một ngày ba thời chấp tay làm lễ, y như pháp chí tâm quán tưởng, tụng 108 tên với Đa La Ni này – Vị Đa La Bồ Tát này có đủ thế lực lớn, tối thượng cát tường, cầu tiêu tan các tội, khéo phá quân ma hay phá pháp thành tựu của người ở hoặc sơ thiện, trung thiện.

Nếu lại có người phát tâm chí thành, trì niệm một biến thì tất cả việc tốt lành, giàu sang với pháp thành tựu của người đó tùy theo Bản Nguyện đạt được vĩnh viễn không có chướng ngại, được các Hiền Thánh đích thân ủng hộ – lại được hàng Trời,

Rồng, Dạ Xoa, Thích Phạm, Hộ Thế, Na La Diên Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Mẫu Quỷ chủ, Đại Hắc Thiên Thần, Tâu Na Dạ Ca, Khánh Tự Tại Thiên... cho đến được Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Phần Nộ Vương, Đại Uy Đức Minh Vương ... đều nói lời này:

“Lành Thay! Lành Thay Thiện Nam Nữ! Các người đối với hạnh của Chư Phật Bồ Tát đã đủ, người sẽ sinh vào Tô Kha phộc Đế Phật Sát (cõi Cực Lạc - 'Sukha vati)’”

Bấy giờ, Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương vui vẻ hơn hở, sinh tâm Tín Trọng – Liên từ chỗ ngồi đứng dậy cởi mọi loại vật nghiêm thân, châu báu, ngọc Ma Ni, Trân Châu, bạc vàng, chuỗi anh lạc vô giá cúng dường Đức Phật, chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn rồi nói kệ rằng:

Lành Thay! Thế Tôn!

Thiện Thệ Kỳ đặc! (Đặc biệt kỳ lạ)

Thường dùng Tâm Bi

Cứu hộ Tất cả

Mà hay vì con

Cùng với chúng Hội

Nói nghĩa chân thật

Của Tối Thượng này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong – các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, các vị Thanh Văn, bậc Trì Minh, Đại Phần Nộ chủ, tất cả Minh Vương, các chúng Trời Rồng với Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương nghe điều Phật nói điều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT THUYẾT THÁNH ĐA LA BỒ TÁT KINH (HẾT)

15/02/2002

THÁNH ĐA LA BỒ TÁT ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

- Namom^{quy mệnh} samanta^{bình đẳng} Dar'sebhyaḥ^{thị sát chúng} (chúng xem xét kỹ lưỡng)
Sarva Tathagatebhyo (Tất cả Như Lai Đẳng)
Arhatebhyaḥ (A La Hán Đẳng)
Samyakṣam buddhe bhyaḥ (Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)
OM (Nhiếp Triệu)
Sarva Tathagata, Tathata Bhuta koti, pari 'suddhe buddhe (Giác ngộ cõi chân như thực tế tràn đầy thanh tịnh của tất cả Như Lai)
Sarva TathagaTa, Sarva dharmata, gagana Amala Vi'suddha (Tất cả Như Lai Tính, Tất cả Pháp tính đều thanh tịnh không nhơ bẩn như hư không)
Dharmate mahà naya parivare – Svaha (quyết định thành tựu viên mãn Thắng nguyện đại lý thú của Pháp Tính)

Tạm dịch là :

* Quy mệnh Bình Đẳng Thị Sát chúng_Tất cả Như Lai Chúng_Ứng cúng Chúng_Chính Đẳng Chính Giác Chúng

OM! Giác ngộ cõi Chân Như Thực Tế tràn đầy Thanh Tịnh như tất cả Như Lai – tất cả Như Lai tính, tất cả Pháp tính đều Thanh Tịnh vô cấu như Hư không – quyết định Thành tựu viên mãn Thánh nguyện đại lý thú của pháp tính.

15/01/2002

KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện – Tam Tặng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG
phụng chiến dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh Du Già Tự Tại Vương.
Khéo trụ nơi Tam Muội Như Huyền
Rộng khắp các Sát hải sâu tịnh
Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân
Ta y Liên Hoa Vương Ứng Môn.
Mở bày pháp Đại Bi ĐA LA.
Vì khiến tu tập các Tam Muội
Xa lìa Định Vô Bi Nhị Thừa
Mau đủ Thần Thông Ba La Mật
Liên hay đốn chứng Như Lai Vị
Hành Giả nên phát Tâm Phổ Hiền
Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.
Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt Tâm Từ”
Liên hay Thâm nhập Luân Giải Thoát.
Nên theo Thầy nhận Tam Muội Gia.
Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói
Kính A Xà Lê (Àcàrye_ Đạo Sư) tướng như Phật
Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.
Hoặc ở sườn núi, A Lan Nhã (Āraṇya – nơi tịch tĩnh)
Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý
Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.
Xây dựng Đạo Trường như phép tắc.
Trang Nghiêm Tinh Thất đặt Bản Tôn.
Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ
Quán khắp các Phật Hải mười phương.
Sám hối, phát nguyện đều như Giáo
Vì thành ba nghiệp Kim Cương nên.
Ngay trong hai tay, lưởi, trái tim
Tướng chữ Hồng (- Hùm) thành chày Ngũ Trí
Do đầy gia trì Năng Tất Địa
Tiếp nên Kết Khế, tên Cảnh Giác

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyển
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn
Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_lộ để sắt_tra”

OM – Vajra Tīṣṭa – Hūṃ

Tiếp, nên kính lễ A Súc Tôn (Akṣobhya)
Xả thân Cầu Thỉnh Bất Thoái chuyển
Kim Cương hợp chưởng, duỗi trên đỉnh
Toàn thân sát đất, dùng Tâm Lễ

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đất tha nghiệt đa, bố nho ba tát tha na dạ đáp_ma nam, Niết li_dạ đa dạ nhĩ – tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la tát đất_phộc, địa sắt_xá, tát_phộc - Hàm”

*** OM – Sarva Tathāgata pūja pasvanāya Atmanam – Niryaṭa yāmi – Sarva Tathāgata vajrasatva Adhiṣṭa Svāmam – Hūṃ**

Tiếp lễ Nam phương Bảo Sinh Tôn (Ratna Saṃbhava)
Xả thân cầu thỉnh Quán Đỉnh Vị
Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
Đặt Trán Sát đất chân thành lễ.

Chân ngôn là: “Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ tỳ sái ca già, đất_ma nam – Niết li_dạ đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la, la đất-ná. A Tỳ Tru giả hàm”

*** OM – Sarva Tathāgata pūja Abhiṣaikāya Atmanam Niryaṭa yāmi – Sarva Tathāgata vajra Ratna Abhiṣimca svāmam – Trāḥ.**

Tiếp lễ Quán Tự Tại Vương Tôn (Avalokite 'svara Rāja)
Xả thân cầu thỉnh Tam Ma Địa
Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh
Để miệng sát đất, thành tâm lễ

Chân ngôn là: “Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ, bát_la miệt lật_la ná gia, đất_ma nam – Niết li_dạ đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la đạt ma, bát_la miệt lật_da dạ hàm”

*** OM – Sarva Tathāgata pūja Pravarttāya Atmanam Niryaṭa yāmi – Sarva Tathāgata vajra Dharma pravarttāya Svāmam – Hriḥ.**

Tiếp lễ Bất Không Thành Tựu Tôn (Amogha Siddhi)
Xả thân cầu thỉnh Thiện Xảo Trí
Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ

Chân ngôn là: “Án – Tát Phộc đất tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đất_ma nam, Niết li_dạ đa, dạ nhĩ – Tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật_la yết ma, cú lỗ hàm”

*** OM – Sarva Tathāgata pūja Karmaṇi Atmanam Niryaṭa yāmi – Sarva Tathāgata vajra Karma Kuru Svāmam – Āḥ.**

Tiếp lễ Chư Phật đầy Hư không

Nên kết giữ Ấn lễ khắp chân.

Thiền Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) Đàn Trí (ngón út phải và ngón cái trái)
cài ngược nhau

Gối phải sát đất, đặt (Ấn) Trên Đỉnh

Chân ngôn là: “Ấn – Tát Phộc nhật_la, Vi”

*** OM – Vajra Vih**

Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tự

Nguyện khắp chúng sinh đồng Tất Địa

Tất cả Như Lai xưng tán Pháp

Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.

Chân Ngôn là: “Ấn – Tát_phộc đất tha nghiệt đa hương tất đa, tát phộc tát
đất_phộc nam, tát phộc tát đà dục, tam bát đồ đam, đất tha nghiệt đa Thất giả, địa để
sắt_tổng đam”

*** OM – Sarva Tathàgata Saṃsitàḥ – Sarva satvanàṃ sarva siddhayah
sampadyatnà Tathàgata 'sca Adhitiṣṭatnà**

Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già

Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tịnh

Các pháp vốn có tính thanh tịnh

Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.

Chân ngôn là: “Ấn – Sa_phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa_phộc bà phộc
thú độ hàm”

*** OM – Svàbhava 'suddha – Sarva dharma svàbhava 'suddha uhaṃ**

Tiếp Kết Liên Hoa Tam Muội Gia

Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bền chắc

Nhẫn nguyện (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen

Tưởng Thân đồng với Đa La Tôn.

Chân Ngôn là: “Ấn – phộc nhật_la bát ná_ma Tam ma gia tát_đất_noan”

*** OM – Vajra padma samaya stvam**

Tiếp kết Cực Hỷ Tam Muội Ấn

Hai cánh Đỉnh Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc

Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hợp cài lỏng ở giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.

Chân ngôn là: “Ấn – Tam ma gia, Tố phộc đa, tát_đất_noan”

*** OM – Samaya Hoḥ Surata stvam**

Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí

Gia Trì hai vú: Đát la (- vú phải) Tra (- vú trái)

Kết Kim Cương phộc để trước tim.

Ba Kéo (mở đẩy) Khai Tâm như mở cửa.

Chân Ngôn là: “Ấn – phộc nhật_la, mãn đà, đất_la Tra”

*** OM – Vajra Bandha Traṭ.**

Tiếp Quán Đài Sen A Tự Môn ()
Hai điểm trang nghiêm () thành Tịch Trí (Trí Niết Bàn)
Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc
Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.
Chân Ngôn là: “Án phộc nhật_la phê xa_ác”

*** OM – Vajra Avi’sa Ah**

Tiếp kết Mật Hợp Kim Cương Quyền
Dùng dây gia trì khiến bền chắc
Tiến lực (2 ngón trở) vào Ấn, trụ Thiền Trí (2 ngón cái)
Nêu hay giữ vững chẳng lui mất (Thoái thất)
Chân ngôn là: “Án phộc nhật_la, mẫu sắt_tri, hàm”

*** OM – Vajra Muṣṭi vaṃ**

Tiếp Kết Liên Hoa Tồi Ma Ấn.
Dùng dây tñnh trừ các chướng nạn
Nên dùng Kim Cương hợp chướng nghi
Tiến Lực (2 ngón trở) như Nanh, dựng Thiền Trí (2 ngón cái)
Vào Trụ Tâm Từ, hiện uy nộ
Xoay phải ba vòng thành Giới Phương.

Chân Ngôn là: “Án – ma ha chiến noa, vĩ thủy_phộc lộ ba, vĩ ca tra – Bát ná_ma
năng_sắt_tra – yết la la, vĩ sái noa – phộc tra đất la – đất la sa gia – sa_phộc hàm – bát
ná_ma được khất_xoa khứ đà, địa lực”

*** OM – Ma hà caṇḍa – vi’sva Rūpa – Vikāṭa padma daṃṣṭra – Rāga ra ra
viṣàṇavat dhàrà – Trà’saya svāmam – padma yakṣa khada Dhṛ**

Tiếp, nên thẳng thân trụ Tam Muội

Hai vũ (2 bàn tay) cài nhau làm Định Ấn
Không Giới bụi thân, các Phật Hải
Cảnh giác khiến Quán Tâm Chân Thật
Chân Ngôn là: “Án – chất đa bát_la để vĩ đặng ca lỗ nhĩ “

*** OM – Citta prativedham Kara umi**

Liên quán chữ A () làm vành trắng
Rồi dùng chân ngôn khiến sáng tỏ
Chân Ngôn là: “Án – Mạo địa chất đa mẫu đất ba ná dạ nhĩ”

*** OM – Bodicittam utpada yāmi**

Bản Tính Tự Tâm với Thanh Tĩnh
Nên khéo quán sát Sen Kim Cương (vajra padma)
Chân Ngôn là: “Án – Để sắt_tra bát ná_ma”

*** OM – Tīṣṭa padma.**

Để thành một Tướng Thanh Tĩnh nên.
Khiến hé nở dần đồng pháp giới
Liên được Đại Bi Tam Ma Địa
Đều hay tñnh khắp chúng sinh giới

Chân Ngôn là: “Án – Tát phát la, bát_ná ma”

*** OM – Sphara padma.**

Vì khiến Tam Muội Thuần thực nên

Đều khiến thu rút được Tự Tại

Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình

Phát hào quang Tịnh chiếu Tam Muội

Chân Ngôn là: “Án – Tăng ha la, bát ná_ma”

*** OM – Samhara padma.**

Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố

Gia Trì hay khiến chẳng lay động.

Chân Ngôn là: “Án – Niết_ly trà, đề sắt_xá, bát ná_ma”

*** OM – Dṛḍha Tiṣṭa padma**

Các Như Lai hiện ở Hư không.

Đều vào Giác Hoa làm một thể

Nên biết Đẳng đồng với Chư Phật.

Bồ Đề Kiên Cố, Thệ nguyện đến

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma, đất_ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm, tát phộc đất tha nghiệt đa tỳ tam mạo đề, bát ná_ma, đất_ma cú hàm”

*** OM – Padma Atmaka uhaṃ – Samaya uhaṃ – mahà Samaya uhaṃ – Sarva Tathàgata Abhisambodhi, padma Atmaka uhaṃ**

Liên quán Diệu Liên (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn

Thân Ngài Thanh Tĩnh màu vàng lục

Ma Ni, báu diệu làm châu lạc

Mão báu, đầu đội Vô Lượng Thọ

Tay phải Ấn Dữ Nguyện thù thắng

Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.

Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng

Tỏa khắp Từ Quang chiếu ba cõi

Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên Ấn

Tim, Trán, Họng, Đỉnh già Trì khắp.

Chân Ngôn là: “Án – Đa li, đốt đa li, Hồng”

*** OM – Tàre Tuttàre – Hùṃ**

Tiếp kết Ấn Tự Quán Đỉnh

Hai Vũ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố

Tiến lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu

Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_la la đất_na tỳ tru giả hàm – tát phộc mẫu nại_la mê – Niết_ly câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm”

*** OM – Vajra Ratna Abhiṣimca maṃ – Sarva mudra me Dṛḍha Kuru, Vajra Kavaceda maṃ**

Hai tay như rữ giải hoa man (Tràng hoa)

Liên tự mặc áo giáp Kiên cố
Kết Kim Cương Quyên duỗi Tiến Lực (2 ngón trở)
Tưởng chữ Ấn (– ngón trở phải) Châm (- ngón trở trái) trên mặt
ngón

Tim, lưng, rốn, eo với hai gối
Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng
Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rũ Thiên Y (áo khoác ngoài)
Liên hay bền chắc không lay động.
Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần
Đấy là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.
Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_ma, đồ sử dã, cốc”

*** OM – padma Tuṣya Hoḥ**

Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.
Vì muốn phụng sự các Như Lai.
Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.
Trên Sen Diệu, giữ HOA TẠNG GIỚI
Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.
Vượt hơn vật cúng diệu của Trời
Hư không Chư Thiên là Thứ Năm
Ước muốn đều từ Hư không đến
Tâm vui cúng dường các thánh chúng
Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.
Dùng chân thật này Gia Trì xong
Nên Kết Nghi Kim Cương chưởng.
Chân Ngôn là: “Ấn – Nga nga năng, Tam bà phộc, phộc nhật_la, cốc”

*** OM Gagana Saṃbhava Vajra Hoḥ**

Đất báu trang nghiêm trên tòa sen
Đốt_lượng (Tràm) tự môn thành Bản Tôn.
Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt
Quyển Thuộc Liên Hoa đều quay quanh.
Tiếp dùng phương tiện Mật Thỉnh Triệu
Triệu Tập Tôn Thân vào Trí Thể
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Tiến Lực (2 ngón trở) đều co như móc câu
Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_mang, câu xá, ca lị_sái gia, ma ha bát ná_ma, câu
lan, ha dã hật_lị phộc, tam ma diễm, Hồng nhược”

*** OM – padma Añku’sa Akarṣaya – mahà padma kuru Hayaḡriva –
Samajaṃ Hùṃ jaḡ.**

Tiếp kết Đại Ấn Liên Hoa Sách
Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiển (ngón trở phải, ngón cái phải)
Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Triệu Thỉnh Bản Tôn hay dẫn vào.

Chân Ngôn là: “Án – A mục già bá xả, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát_la phệ xá, bát la phệ xá gia – Tát phộc tam ma diên - Hồng”

*** OM – Amogha pà'sa krodha Samaye – prave'sa. Prave'sàya – Sarva Samayam – Hùṃ.**

Tiếp kết tay hoa làm Tỏa Ấn

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) đều móc kết

Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Ấn này

Hay Khiến Bản Tôn Trụ bền chắc.

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma, Thương ca lệ, hàm”

*** OM – padma Saṃkare – Hùṃ**

Tiếp Kết Mật Ấn Liên Hoa Linh

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Liên Hoa chưởng

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Hay khiến Bản Tôn Diệu hoan hỷ.

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma Kiện Tra, đà lệ, thí già_la ma phệ xá gia, tam ma gia, sát mục khư, ác”

*** OM – padma ghaṃṭa dhàri - 'sìghram Avi'sàya – Samaya Samukhe – Ah.**

Tiếp dùng Diệu Già Đà Thích Ý

Phụng trì ứ Già, hiến nước thơm

Diệu âm tràn đến cõi vô biên

Dùng Già trì này mau thành tựu.

Chân Ngôn là: “Ná mạc duệ ná tát đế na – bà nga phộc đế, mạo địa mẫu đà la, nỗ đa la, phộc nhật_la đạt ma, Bát_la dụ nghi ná – Đế ná tát đế ná, tất đình hàm – Ấn – Đa lợi, đốt đa lợi, đốt lợi, tát_phộc ha”

*** Namò Sina Satya Bhagavate** (Quy mệnh Đức Thế Tôn cung cấp sự chân thật) **Bodhi mudra** (Giác Tuệ Ấn) **Anuttara** (tối thượng) **Vajradharma** (Kim Cương pháp) **prayoginì** (Thắng công bằng) **Sina Satya** (cung cấp sự chân thật) **Siddhim mam** (Tôi thành tựu)

OM – Tàre Tuttàre Ture – Svàhà.

Tiếp nên rộng bày bốn NỘI CÚNG

Hoa chưởng, dựng thẳng cứng Thiên Trí (2 ngón cái)

Dùng Liên Hoa Hỷ Hỷ này nên.

Hay mãn Đàn Na Ba La Mật (Dàna pàramità – Bố Thí Độ)

Chân Ngôn là :” Án_ Bát ná-ma, la đế, bố nhi duệ, cốc “

OM_ Padma rati puṇye haḥ

Tiếp kết Mật Ấn Liên Hoa Man

Liên Hoa Chưởng trước duỗi cánh tay

Do hiến Hoa Man cúng dường nên

Sẽ mãn Tịnh Giới Ba La Mật (‘Sìla Pàramità)

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma, Bật sái ca, bố nhi duệ, đát_la tra”

OM_Padma Puṣpa puṇye Traṭ

Do kết Ấn Liên Hoa Ca Vịnh

Hoa Chưởng từ rốn đến miệng buông

Hiển Như Lai Diệu Pháp Âm này

Hay mãn An Nhẫn Ba La Mật (Kṣānti Pàramità)

Chân Ngôn là :” An_Bát ná-ma , nghĩ đa, bố nhi duệ, nghi “

*** OM – padma gīta puṇīye – Gīh**

Tiếp kết Liên Hoa Vũ cúng dường

Hoa chưởng chuyển múa đặt trên đỉnh

Do Mật Ấn này và chân ngôn.

Mau đủ Tinh Tiến Ba La Mật (Vīrya pàramità)

Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_ma, Niết_lị để_dã, bố nhi duệ, ngật_lị_tra”

*** OM – Padma Nṛtye puṇīye – Kṛṭ**

Tiếp Kết Ấn Liên Hoa Phần Hương

Hoa chưởng buông xuống như đốt hương

Do uy lực của Ấn phần Hương

Sẽ chứng Tĩnh lực Ba La Mật (Dhyāna Pàramità)

Chân Ngôn là: “Ấn – Độ ba bát ná_nhĩ nễ - Hồng”

*** Om_ Dhùpa padmiṇi – Hùṃ**

Tiếp Kết Liên Hoa Hoa cúng dường.

Hoa chưởng dung lên như hiến hoa.

Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm

Mau chứng Bát Nhã Ba La Mật (Prajña Pàramità)

Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_ma, mẫu sắt_tri - Hồng”

*** OM – Padma Muṣṭi Hùṃ**

Tiếp Kết Ấn Liên Hoa Đăng Minh

Thiền Trí (2 ngón cái) che trước Tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)

Dùng Đăng Minh cúng dường này nên

Sẽ mãn Phương Tiện Ba La Mật (Upaya Pàramità)

Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_ma, cú la – Trục nại lị, đạt ma lỗ kế, bố nhi duệ, bố
nhạ da, Hồng”

*** OM – Padma kula Mudri – Dharma Àloke puṇīye pùjāya – Hùṃ**

Tiếp kết Ấn Liên Hoa Đồ Hương.

Bung chưởng trên Tim như xoa hương.

Dùng Nghi Mật Ấn Chân Ngôn này

Hay mãn Thệ Nguyện Ba La Mật (Pranidhāna pàramità)

Chân Ngôn là: “Ấn – Bát ná_ma, nghĩễn đề, Hồng”

*** OM – Padma gandhe – Hùṃ**

Tiếp Kết Bản Tôn Căn Bản Ấn

Dùng Ấn Gia Trì trên tim mình

Hai vũ (2 bàn tay) Trí Quyền cùng ngược lóng

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng hợp nhau.

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma, đa lê, hồng”

OM_Padma Tàre Hùṃ

Tiếp kết Bất Không Đa La Tâm

Đem Ấn gia trì ở trên đỉnh

Theo tướng Căn Bản Mật Ấn trước

Sửa dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) khiến dính nhau

Chân Ngôn là :” Án_ Vĩ bồ la, đa lê, hồng “

OM_Vipula Tàre Hùṃ

Tiếp kết Bản Tôn Bảo Quan (Mão báu) Ấn

Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh

Theo Tâm Ấn trước dựng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)

Chân Ngôn là :” Án_ Bát- la tát la, đa lê, hồng “

*** OM – Prasara Tàre – Hùṃ**

Tiếp Kết Chân Thật gia Trì Ấn

Dùng dây hay Triệu Thỉnh Tất Cả

Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước

Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại

Chân Ngôn là: “Án – A mộ già, đa lê, Hồng”

*** Om_ Amogha Tàre – Hùṃ**

Tiếp Kết Tồi Hoại Chư Ma Ấn

Dùng dây hay phục kẻ khó phục

Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước

Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ cái) xoay bên phải

Chân Ngôn là: “Án – Tam ma già, đa lê, Hồng”

*** OM _ Samaya Tàre Hùṃ**

Tiếp dùng Tự Môn bày trên Thân

Chữ Ấn () trên đỉnh, Đá () trên trán

Chữ Lê () hai mắt, Đốt () hai vai

Chữ Đá () ngang tim, Lê () ngay rốn

Chữ Đốt () hai gối, Lê () hai bắp chân

Tát phộc () chân trái, Ha () chân phải.

Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình

Dùng gia trì này, không hai Thể

Nenu Kết Thanh Liên Căn Bản Ấn

Xưng tụng Liên Hoa Bách Tự Minh

Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau

Chân Ngôn là: “Án – Bát ná_ma, tát đất phộc, Tam ma già – Ma nỗ bá la gia –

Bát ná_ma, tát đất-phộc – Đất vĩ nỗ ba để sắt_tra – Niết_lị noa_hộ, mị bà phộc – Tố

đỏ sử dụ, mị bà phộc – A nõ la ngật_đỗ, mị bà phộc – Tố bổ sử dụ, mị bà phộc – tát phộc tất địa, mị bát_la – địa sai – tát phộc yết ma tố giả mị – chất đa thất_lệ được – cú lỗ, hồng – ha ha ha ha. Cốc – bạc già phạm – tát phộc đất tha nghiệt đa – bát ná_ma – ma mị muộn giả – Bát ná mị bà phộc – ma ha Tam ma gia Tát đất_phộc – Hột_lị”

*** OM – Padmasatva Samayam – Anupàlaya – PadmaSatva Tvena upatiṣṭa – Dṛḍho me bhava – Sutoṣyo me bhava – Anurakto me bhava – Suṣoṣyo me bhava – Sarva Siddhim me prayaccha – Sarva Karma Su Ca me cittam ’sriyam Kuru Hūm – Ha ha ha ha Hoḥ – Bhagavam – Sarva Tathàgata padma mà me muñca – padmi bhava – mahà Samayasatva – HRÌH**

Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong

Chẳng giải Ấn trước, niệm Bản Minh.

Chân Ngôn là: “Ná mô la đất_na đất_la dạ dã – Ná mạc A lị_dã phộc lỗ chỉ đế, thất_phộc la gia, mạo địa tát đất_phộc gia, ma ha tát đất_phộc gia, ma ha ca lỗ ni ca gia – Đất nễ_dã tha: Ấn – Đa lê, đốt đá lê, đốt lê, Tát_phộc ha”

*** Namó Ratna Trayàya**

Namaḥ Àrya Avalokite’svaràya Bodhisatvaya, mahà Sattvaya mahà Kàruṇikàya.

Tadyathà: OM – Tàre Tuttàre Ture – Svàhà

Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)

Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niệm

Chân Ngôn là :” An_ Phộc nhật-la, bá vĩ đất-la , tam ma gia, hồng “

OM_ Vajra pavitra samaya Hūm

Tiếp trì số hạn kết thúc xong

Lại hiển Ứ Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng , phát nguyện xong

Giải Giới tướng Tôn về Bản Cung

Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước

Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân

Chân ngôn là: “Ấn – Ngật lị đồ phộc, tát phộc tát đất phộc lật thác – tát địa nại đa – dã tha nõ nga – nghiệt sai đặc noan – một đà vi sái diễm – Bồ na la nga – ma na dã đô – Ấn – Bát na_ma, tát đất_phộc, mục”

*** OM – Kṛtovaḥ – Sarva satva Artha – Siddhirdattà yatha Anugà – gacchadhvam – Buddha Viṣayam – punaràga manàyatatu – OM – Padmasatva – Muḥ**

Dùng dây Phụng Tống Bản Tôn xong

Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ

Kiên Trú Bản Tôn Tam Ma Địa

Tự Ý ngưng nghỉ hoặc kinh hành

Lại nên chuyển Địa Ma Ha Diễm (Mahà yàna – Đại Thừa)

Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn

Sẽ được Đa La (Tàrà) hiện trước mặt

Thắng Nguyên mong cầu đều Viên mãn
Đời này được vào HOAN HÝ ĐỊA
Mười sáu đời sau thành BỒ ĐỀ.

Kim Cương Đỉnh Đa La Bồ Tát Niệm Tụng pháp (Hết)

24/01/2002